**KHCN\_36/2017/TT-BGDĐT**

Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn

**(PHẦN CẬP NHẬT MỚI THẦY CÔ NÊN BÔI MÀU ĐỎ - TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Stt | **Tên đề tài, mã số** | **Người chủ trì và các thành viên** | **Đối tác trong nước và quốc tế** | **Thời gian thực hiện** | **Đang thực hiện/ Nghiệm thu/ Thanh lý** | **Kinh phí thực hiện (triệu đồng)** | **Bài báo ISI, Scopus, bài trong nước, bài hội thảo quốc tế, hội thảo trong nước** | **Sách chuyên khảo, Giáo trình, sách tham khảo, tài liệu tham khảo** | **Đào tạo thạc sĩ, hỗ trợ đào tạo NCS** | **Sản phẩm khác, sản phẩm ứng dụng thực tiễn** |
|  | **B2022** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Mã số: B2022-SPH-01 Hiện tượng khuếch tán và dáng điệu tiệm cận nghiệm của một số lớp mô hình tiến hoá dạng tiêu hao | CNĐT: PGS.TS. Phạm Triều Dương - 1971  Thành viên:   1. PGS. TS. Lê Văn Hiện - 1978 2. GS. TS. Cung Thế Anh - 1977 3. TS. Nguyễn Như Thắng - 1983 4. TS. Nguyễn Thị Liên - 1988 5. TS. Nguyễn Thị Vân Anh - 1989 |  | 2022 -2024 | Đang thực hiện | 320 | Bài báo quốc tế:  ISI  1. Huong T.T. Nguyen, Thang N. Nguyen, Luong T. Vu. Asymptotically almost periodic solutions to nonlocal differential equations. Rocky Mountain Journal of Mathematics. (Q3) (Đã được nhận đăng).  2. T. D. Pham. The asymptotic estimates of the solutions to the linear damping models with spatial dependent coefficients. Trends in Mathematics, Birkhäuser book series Research perspective. Analysis, Applications, and Computations. Springer. (Q4) (Đã được nhận đăng). |  | Luận văn thạc sỹ:  1. Học viên: Đỗ Thị Điệp, khóa K30 – Khoa Toán Tin, Trường ĐHSP Hà Nội. Tên đề tài: Tính suy giảm đều của năng lượng đối với phương trình truyền sóng với hệ số tắt dần không bị chặn. (Đã bảo vệ thành công vào tháng 07/2022).  2. Học viên: Phạm Thị Hằng, khóa K30 – Khoa Toán Tin, Trường ĐHSP Hà Nội. Tên đề tài: Hiệu ứng chính quy hoá của thành phần tắt dần phi tuyến trong các phương trình dạng hyperbolic. (Đã bảo vệ thành công tháng 07/2022).  3. Học viên: Bùi Đình Kiên, khóa K30 – Khoa Toán Tin, Trường ĐHSP Hà Nội. Tên đề tài: Tốc độ suy giảm năng lượng của phương trình Boussinesq – dầm dạng cải tiến tắt dần trên nửa đường thẳng. (Đã bảo vệ thành công tháng 07/2022). |  |
|  | Mã số: B2022-SPH-02 Đặc trưng một số tính chất đại số và tính toán các bất biến liên quan bằng lí thuyết tổ hợp | CNĐT: PGS.TS. Nguyễn Công Minh - 1980  Thành viên:  1.TS. Nguyễn Quang Lộc - 1981  2. TS. Phan Thị Thủy - 1984 |  | 2022 -2023 | Đang thực hiện | 250 | - 01 bài báo đã được đăng trên tạp chí quốc tế uy tín trong danh mục ISI-Q2:  N. Q. Loc, N. C. Minh, P. T. Thuy, 2022, *Extremal Betti numbers of symbolic powers of two-dimensional squarefree monomial ideals*, International Journal of Algebra and Computation, 32, No. 05, pp 1043-1069.  https://dx.doi.org/10.1142/S0218196722500448  - 01 chương trong một sách chuyên khảo của nhà xuất bản Springer:  N. C. Minh, V. Thanh, 2021, *Survey on regularity of symbolic powers*  *of an edge ideal*, Commutative Algebra, pp 569-588.  https://doi.org/10.1007/978-3-030-89694-2\_18 |  | - Học viên Hoàng Thị Quỳnh, học viên Thạc sĩ khóa K30 – Khoa Toán Tin, Trường ĐHSP Hà Nội. Tên đề tài: Đặc trưng của tính Noether và tính Artin cho đại số Steinberg (Đã bảo vệ thành công tháng 06/2022).  - Học viên Nguyễn Thị Nga, học viên Thạc sĩ khóa K30 – Khoa Toán Tin, Trường ĐHSP Hà Nội. Tên đề tài: Một số tính chất của phức bậc liên kết với ideal đơn thức (Đã bảo vệ thành công tháng 10/2022). |  |
|  | Mã số: B2022-SPH-03 Tính chất hình học của ánh xạ phân hình và ánh xạ đa điều hòa dưới trên đa tạp phức | CNĐT: TS. Phạm Nguyễn Thu Trang - <năm sinh>  Thành viên:  1……<tên>……… - <năm sinh> |  | 2022 -2024 | Đang thực hiện | 320 |  |  |  |  |
|  | Mã số: B2022-SPH-04 Nghiên cứu và phát triển mô hình khai phá dữ liệu hiệu quả để dự đoán quan hệ giữa các phân tử RNA không mã hóa (non-coding RNA) và các bệnh di truyền | CNĐT: TS. Đặng Xuân Thọ - 1985  Thành viên:  1. TS. Lê Thị Tú Kiên - 1977  2. PGS.TS Trần Đăng Hưng - 1979  3. TS. Đào Thị Sen - 1985  4. NCS. Thái Thị Thanh Vân - 1979  5. NCS. Nguyễn Thị Chinh - 1980  6. CN. Lê Xuân Hiền - 1997 | Đại học tổng hợp Kanazawa, Nhật Bản | 2022 -2024 | Đang thực hiện | 450 | - 01 bài báo trên tạp chí/hội thảo quốc tế trong danh mục Scopus  (1) Xuan Tho Dang, Nam Anh Dao; *Implementation of SMOTE and VGG-16 for COVID-19 Radiography*; Intelligent Systems and Networks; 2022; pp 1-8  - 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước được tính điểm của HĐGSNN.  (1) Nguyen V.T. and Tran D.H. (2022) *Predicting long non-coding RNA-disease associations using multiple features and deep learning*, Journal on Information Technologies & Communications (accepted) |  | 01 nghiên cứu sinh  (1) ThS Nguyễn Văn Tỉnh – NCS tại Trường ĐHSPHN  01 luận văn thạc sĩ  (1) Lê Xuân Hiền – Học viên tại Trường ĐHSPHN |  |
|  | Mã số: B2022-SPH-05 Phát triển năng lực tiếng Việt cho trẻ mẫu giáo dân tộc H’Mông thông qua sử dụng sản phẩm văn hóa địa phương | CNĐT: ThS. Trần Thị Kim Liên - <1988>  Thành viên:  1. PGS.TS Lã Thị Bắc Lý (1963)  2. PGS.TS Bùi Thị Lâm (1975)  3. TS. Phạm Thị Bền (1979)  4. TS. Vũ Thị Thảo (1986)  5. TS. Hồ Sỹ Hùng(1984)  6. Ths. Trương Thị Thùy Anh (1989)  7. TS. Nguyễn Thị Mỹ Dung (1982) |  | 2022 -2024 | Đang thực hiện | 270 | 1 bài báo: Bui Thi Lam, Ben Phạm, Tran Thi Kim Lien, Nguyen Thi My Dung & Ho Sy Hung (12/2021). Support from home for early learning and development of children under five years old from ethnic minorities in Vietnam. Proceedings of the 2nd International Conference on Innovation in Learning Instruction and Teacher Education (ILITE-2). University of Education Publisher, pp.693-704, 2021. |  | Hỗ trợ đào tạo 1 Thạc sĩ do PGS.TS. Lã Thị Lý hướng dẫn. |  |
|  | Mã số: B2022-SPH-06 Xây dựng các chương trình can thiệp stress cho cha mẹ có con rối loạn phổ tự kỉ | CNĐT: TS. Nguyễn Thị Mai Hương - <1984>  Thành viên:   1. PGS.TS. Phan Thị Mai Hương - (1963) 2. PGS.TS. Trần Thị Lệ Thu (1973) 3. PGS.TS. Nguyễn Hiệp Thương (1975) 4. TS. Nguyễn Thị Ánh Nguyệt (1982) 5. ThS. Nguyễn Thị Phương (1991) 6. ThS. Đỗ Thị Tiểu Yến (1976) 7. Lê Văn Trường (1974) |  | 2022 -2024 | Đang thực hiện | 240 | Nguyễn Thị Mai Hương; Thực trạng stress ở cha mẹ của trẻ có rối loạn phổ tự kỷ; Tạp chí Tâm lý học; 2020; số 4; 83; ISSN:1859-0098 |  |  |  |
|  | Mã số: B2022-SPH-07 Xây dựng mô hình công tác xã hội trường học nhằm ứng phó với tai nạn thương tích cho học sinh trung học cơ sở | CNĐT: PGS.TS. Nguyễn Thanh Bình - <năm sinh>  Thành viên:  1……<tên>……… - <năm sinh> |  | 2022 -2024 | Đang thực hiện | 240 |  |  |  |  |
|  | Mã số: B2022-SPH-08 Dạy học phân hóa môn âm nhạc trong nhà trường Trung học phổ thông theo định hướng phát triển phẩm chất năng lực người học đáp ứng Chương trình giáo dục phổ thông 2018 | CNĐT: TS. Tạ Hoàng Mai Anh - <1983>  Thành viên:  1. TS. Tưởng Duy Hải <1980>  2. ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Mai <1991>  3. TS. Trần Thị Thu Hà <1983>  4. ThS. Nguyễn Đình Chúc <1989> |  | 2022 -2024 | Đang thực hiện | 200 | 1. Tạ Hoàng Mai Anh (2022), The First Implementation of Music at High Schools in Vietnam, tạp chí European Journal of Applied Sciences – Vol. 10, No. 4, DOI:10.14738/aivp.104.12497 |  |  |  |
|  | Mã số: B2022-SPH-09 Xây dựng nội dung và biện pháp giáo dục kỹ năng xã hội cho học sinh rối loạn phổ tự kỉ học hòa nhập cấp trung học cơ sở | CNĐT: TS. Đỗ Thị Thảo- <1977>  Thành viên:  GS.TS. Nguyễn Công Khanh (1958)  TS. Nguyễn Nữ Tâm An (1983)  ThS. Nguyễn Thị Hoa (1984)  TS. Đinh Nguyễn Trang Thu (1981)  ThS. Trần Tuyết Anh (1979)  Nguyễn Thị Hiền (1995)  TS. Trần Thị Bích Ngọc (1982) |  | 2022 -2024 | Đang thực hiện | 300 | 1. **Đỗ Thị Thảo**, Quách Huyền Trâm, Đỗ Thị Trang, T**rần Thị Bích Ngọc**, Nguyễn Hoài Thương và **Nguyễn Công Khanh** (2022), Xây dựng các hoạt động giáo dục kĩ năng giao tiếp cho học sinh rối loạn phổ tự kỉ học hòa nhập cấp trung học cơ sở, HNUE JOURNAL OF SCIENCE DOI: 10.18173/2354-1075.2022-0024 Educational Sciences, 2022, Volume 67, Issue 2, pp. 71-81 This paper is available online at [http://stdb.hnue.edu.vn](http://stdb.hnue.edu.vn/)  2. **Đỗ Thị Thảo**, **Nguyễn Nữ Tâm An**, Quách Huyền Trâm, Đỗ Thị Trang, **Nguyễn Thị Hoa**, Nguyễn Thị Hoài Thương (2022), Giáo dục kỹ năng giao tiếp cho học sinh RLPTK học hòa nhập cấp THCS: Thực trạng và bài học kinh nghiệm. Tạp chí giáo dục Số 22 (13) 41-45. ISSN 2354-0753  3. Nguyễn Quốc Vượng, Lương Thị Phương, **Đinh Nguyễn Trang** Thu, *Những yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục cảm xúc cho học sinh rối loạn phổ tự kỉ tuổi trung học cơ sở*, Tạp chí Giáo dục, tập 22, số đặc biệt, tháng 5/2022. ISSN 2354-0753, pp166-170. |  |  |  |
|  | Mã số: B2022-SPH-10 Nâng cao năng lực quản trị sự thay đổi cho hiệu trưởng đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông | CNĐT: PGS.TS. Đỗ Văn Đoạt - <năm sinh>  Thành viên:  1. TS. Nguyễn Thị Ngọc Liên (1982)  2. TS. Vũ Thị Mai Hường (1986)  3. PGS.TS Nguyễn Xuân Thức (1958)  4. PGS.TS Nguyễn Xuân Thanh (1961)  5. Ths. Đặng Thị Phương Thảo (1984)  6. TS. Đỗ Xuân Duyệt (1979)  7. TS. Nguyễn Thị Bích Liên (1978)  8. TS. Nguyễn Đức Danh (1974) |  | 2022 -2024 | Đang thực hiện | 270 | Thực trạng năng lực hoạch định thực hiện thay đổi trong nhà trường của hiệu trưởng trường phổ thông theo yêu cầu đổi mới giáo dục, *Tạp chí TLH Việt Nam,* 2022. (Chấp nhận đăng tháng 11/2022) |  | 1. Nguyễn Quốc Vinh (2021), Phát triển năng lực quản lý sự thay đổi cho hiệu trưởng trường THCS ở thành phố Bắc Ninh tỉnh Bắc Ninh đáp ứng yêu cầu chương trình GDPT 2018, Luận văn thạc sĩ. (Đã bảo vệ thành công)  2. Đoàn Văn Phúc (2021), Quản lý sự thay đổi hoạt động dạy học ở các trường tiểu học thành phố Bắc Ninh tỉnh Bắc Ninh theo yêu cầu chương trình GDPT 2018, Luận văn thạc sĩ. (Đã bảo vệ thành công)  3. Nguyễn Thị Huệ (2021), Quản lý hoạt động giáo dục trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non thành phố Bắc Ninh tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh phòng, chống dịch Covid-19, Luận văn thạc sĩ. (Đã bảo vệ thành công) |  |
|  | Mã số: B2022-SPH-11 Nghiên cứu năng lực thích ứng của giáo viên với yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông 2018 | CNĐT: ThS. Nguyễn Thị Hằng (1976)  Thành viên:  1. PGS. TS Phan Trọng Ngọ- <năm sinh>  2. TS. Nguyễn Thị Liên (1972)  3. TS. Tưởng Duy Hải (1980)  4. ThS. Trần Thị Tuyết Mai  5. TS. Tạ Hoàng Minh |  | 2022 -2024 | Đang thực hiện | 230 |  | Tài liệu bồi dưỡng giáo viên: *“Phát triển năng lực thích ứng của giáo viên với yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông 2018”* (Dành cho đối tượng giáo viên đang dạy chương trình giáo dục phổ thông 2018) | Hỗ trợ 01 Luận văn Thạc sĩ: *“Năng lực thích ứng của giáo viên tiểu học có học sinh hòa nhập tại quận Gò Vấp. thành phố Hồ Chí Minh”.* (Đã bảo vệ) |  |
|  | Mã số: B2022-SPH-12 Đánh giá mô hình phát triển hành vi gây hấn của học sinh trong nhà trường THCS Việt Nam hiện nay | CNĐT: TS. Trần Thị Cẩm Tú - <năm sinh>  Thành viên:  1……<tên>……… - <năm sinh> |  | 2022 -2024 | Đang thực hiện | 270 |  |  |  |  |
|  | Mã số: B2022-SPH-13 Sức khỏe tâm lý của học sinh trung học: thực trạng và giải pháp | CNĐT: TS. Khúc Năng Toàn - <1973>  Thành viên:  1……<tên>……… - <năm sinh> |  | 2022 -2024 | Đang thực hiện | 300 |  | Tài liệu tham khảo: “Hướng dẫn chăm sóc sức khỏe tâm lý học sinh” | Phạm Ngọc Thu (K30) - Sức khỏe xã hội - cảm xúc của học sinh THCS trên địa bàn Hà Nội | Khung sức khỏe tâm lý học sinh phổ thông. |
|  | Mã số: B2022-SPH-14 Nghiên cứu phát triển vaccine vector phòng bệnh do Vibrio spp. gây ra cho cá mú nuôi lồng. | CNĐT: TS. Vũ Thị Bích Huyền - 1988  Thành viên:   1. PGS.TS. Phạm Thị Tâm - 1974 2. TS. Triệu Anh Trung - 1983 3. TS. Lê Thị Tươi- 1986 4. TS. Đào Thị Sen -1985 5. TS. Nguyễn Phúc Hưng - 1978 6. CN. Lê Thị Tuyết Mai - 1979 7. CN. Nguyễn Phương Thảo - 1979 | Trường Đại học Mở Hà Nội | 2022 -2024 | Đang thực hiện | 400 | - 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước được tính điểm của HĐGSNN (chấp nhận đăng) |  |  |  |
|  | Mã số: B2022-SPH-15 Nghiên cứu tổng hợp xúc tác quang dị hợp Cu2O-BiVO4 thử nghiệm làm photoanode của tế bào quang điện cho phản ứng phân hủy nước. | CNĐT: TS. Nguyễn Thị Mơ - 1982  Thành viên:   1. PGS.TS. Nguyễn Thị Minh Huệ -1972 2. PGS.TS. Lê Minh Cầm - 1958 3. PGS.TS. Hoàng Văn Hùng - 1973 4. TS. Phan Thị Thùy - 1987 5. ThS. Trần Thị Thoa - 1990 6. TS. Nguyễn Văn - 1974 |  | 2022 -2024 | Đang thực hiện | 500 | * 01 bài báo gửi đăng tạp chí quốc tế Q4 |  | * Đào tạo thạc sĩ K30 - Phạm Tiến Thanh - Tổng hợp vật liệu Cu2O-BiVO4 bằng phương pháp điện hóa ứng dụng làm photoande cho quá trình phân tách nước - Bảo vệ tháng 10. * Hỗ trợ 01 NCS (Nguyễn Thị Thảo Linh) | - 01 loại xúc tác quang điện dị hợp Cu2O-BiVO4 làm photoanode  - Quy trình chế tạo xúc tác quang điện dị hợp Cu2O-BiVO4 làm photoanode cho phản ứng phân hủy nước |
|  | Mã số: B2022-SPH-16 Nghiên cứu một số tính chất của các giao thức viễn chuyển, viễn tạo và đồng viễn tạo trạng thái lượng tử trong môi trường nhiễu | CNĐT: PGS.TS. Nguyễn Văn Hợp - 1794  Thành viên:  1 TS. Nguyễn Chính Cương - 1974  2. TS. Nguyễn Thị Thảo - 1986.  3. TS. Trần Phan Thùy Linh - 1985. |  | 2022 -2024 |  | 400 | 1. Bài báo quốc tê ISI   Bài báo đã gửi tạp chí Quantum Information Processing (Q2/Q3): Enhancing the controller’s power in teleporting arbitrary two-qubit state by using the asymmetry of the four-qubit cluster state. (Đang giai đoạn phản biện). |  | Đào tạo Thạc sĩ  K30-Trần Văn Hòa - Quyền lực của người điều khiển trong viễn chuyển lượng tử qua trạng thái X của ba qubit, Bảo vệ tháng 10/2022 |  |
|  | Mã số: B2022-SPH-17 Ứng dụng AI (Artificial Intelligence) vào mô phỏng, chế tạo vật liệu biến hoá hấp thụ sóng điện từ dải tần số rộng vùng GHz, định hướng ứng dụng trong kĩ thuật quân sự và đời sống | CNĐT: PGS.TS. Trần Mạnh Cường - 1979  Thành viên:  1.TS. Nguyễn Thị Thúy - 1986  2. TS. Đỗ Hoàng Tùng - 1979  3. PGS. TS. Pham Văn Vĩnh - 1973  4. NCS Phạm Văn Điện  5. NCS Vũ Minh Tú |  | 2022 -2024 | Đang thực hiện | 500 | 1. Bài ISI (q3): Pham V. Dien, Pham V. Hai, Vu M. Tu, Nguyen T. Thuy, Do H. Tung, Pham V. Vinh1, and Tran M. Cuong1. Extending the Absorption Frequency Band Using Twisted Configuration in the GHz Region. *Progress In Electromagnetics Research Letters*, Vol. 105, 78, 2022. 2. Bài Scopus: Pham Van Dien, Pham Van Hai, Vu Minh Tu, Bui Xuan Khuyen, Vu Dinh Lam, Tran Manh Cuong. Enhancing the Absorber Frequency Bandwidth in GHz Regime by Applying Column Network Defects. *INTERNATIONAL JOURNAL OF MICROWAVE AND OPTICAL TECHNOLOGY*. V17, 2, 2022. 3. Bài HNQG: P. V. Dien, P. V. Hai et al., Ứng dụng thuật toán tiến hóa GA nghiên cứu và chế tạo bề mặt vật liệu biến hóa hấp thụ sóng điện từ dải rộng vùng GHz. *Hội nghị VLCR-KHVL toàn quốc.* Cần Thơ; 2021-2022. |  | * Hỗ trợ NCS Phạm Văn Điện, đề tài: “Mô phỏng, chế tao và khảo sát tinh   chất hấp thu sóng điện tử dải tần GHz- THz của siêu vật liệu mã hóa ” | * các mẫu đo đạc   vùng 10-12 GHz, size  ~11x11 cm.   * mẫu xoay mạng 10x10   cm. |
|  | Mã số: B2022-CTT-06 Nghiên cứu tính chất định tính của bài toán Quy hoạch tuyến tính dạng nón | CNĐT: TS. Nguyễn Ngọc Luân - 1984  Thành viên:   1. GS. TSKH. Nguyễn Đông Yên 1958 2. TS. Lê Anh Dũng 1976 3. TS. Nguyễn Thu Thuỷ 1980 4. CN Trịnh Thị Ánh Ngọc 1997 |  | 2022 -2024 | Đang thực hiện | 400 |  |  |  |  |
|  | **B2021** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1. 1 | Mã số: B2021 -SPH -01 Nghiên cứu các phương pháp học đại diện trên đồ thị và ứng dụng trong khai phá dữ liệu y-sinh. | CNĐT: TS. Lê Tú Kiên - 1977  Thành viên:   1. TS. Đặng Xuân Thọ - 1986 2. PGS.TS Trần Đăng Hưng - 1979 3. TS. Đào Thị Sen - 1984 4. Ths. Thái Thị Thanh Vân - 1979 5. Ths. Nguyễn Văn Tỉnh - 1978 6. Ths. Nguyễn Thị Chinh - 1981 | - Trung tâm nghiên cứu Gene-Protein, Đại học Y Hà Nội    - Life Sciences Research Unit, University of Luxembourg | 2021 -2022 | Đang thực hiện | 200 | **Bài báo quốc tế:**  Nguyen, V.T., Le, T.T.K., Nguyen, T.Q.V., Tran, Đ.H. Inferring miRNA-disease associations using collaborative filtering and resource allocation on a tripartite graph. BMC Med Genomics 14 (Suppl 3), 225 (2021). <https://doi.org/10.1186/s12920-021-01078-8>(Tạp chí ISI, Q2)  **Bài báo hội thảo quốc tế:**  Giang T.T., Nguyen TP., Pham Q.T., Tran D.H. (2021) A Combination Model of Robust Principal Component Analysis and Multiple Kernel Learning for Cancer Patient Stratification. In: Phuong N.H., Kreinovich V. (eds) Soft Computing: Biomedical and Related Applications. Studies in Computational Intelligence, vol 981. Springer, Cham. <https://doi.org/10.1007/978-3-030-76620-7_2>  Tho D.X., Anh D.N. (2021) Imbalance in Learning Chest X-Ray Images for COVID-19 Detection. In: Phuong N.H., Kreinovich V. (eds) Soft Computing: Biomedical and Related Applications. Studies in Computational Intelligence, vol 981. Springer, Cham. <https://doi.org/10.1007/978-3-030-76620-7_9> |  | - Đào tạo 01 thạc sĩ theo hướng nghiên cứu của đề tài: Lê Xuân Hiền; Ngày bảo vệ: 16/7/2022, Quyết định: 2558/QĐ-ĐHSPHN.  - Hỗ trợ đào tạo 01 NCS Nguyễn Văn Tỉnh hoàn thành 1 công bố quốc tế tại:  <https://doi.org/10.1186/s12920-021-01078-8> |  |
|  | Mã số: B2021 -SPH -02 Giao lưu văn hóa giữa Việt Nam và các nước Đông Bắc Á thời trung đại: tiếp cận từ giao lưu giữa sứ thần Việt Nam và các nước Đông Bắc Á - Bài học kinh nghiệm hội nhập quốc tế cho Việt Nam. | CNĐT: TS. Nguyễn Thị Thu Thủy-1983  Thành viên:  1. PGS.TS. Phan Ngọc Huyền - 1983  2. PGS.TS. Nguyễn Duy Bính - 1959  3. Ngô Vũ Hải Hằng - 1978  4. Vũ Đức Liêm - 1986  5. Vũ Thị Nga - 1979  6. Phí Thị Hồng Vân - 1978 | Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam | 2021-2022 | Chờ nghiệm thu | 215 | **Bài báo quốc tế:**  1. Nguyen Thi Thu Thuy, Documents of The Nguyen Dynasty’s Mision to China in 1883: Origins and Historical Values, *SUVANNABHUMI: Multi-disciplinary Journal of Southeast Asian Studies*, Vol. 13 No. 1 (January 2021) (<https://doi.org/10.22801/svn.2021.13.1.111>) - Tạp chí được công nhận trong danh mục quỹ NAFOSTED  2. Nguyen Thi Thu Thuy, Research on the contacts and composition of repartee poems and prose between Vietnamese and Joseon envoys in China – Reports from Vietnam, *The Review of Korean Studies*, Vol.2 (December 2022) (Scopus, Accepted)  **Bài báo trong nước:**  1. Nguyễn Thị Thu Thuỷ, Khái quát tình hình nghiên cứu ở Việt Nam về giao lưu văn hoá Việt Nam - Triều Tiên trong lịch sử, *Tạp chí Khoa học xã hội Thành phố Hồ Chí Minh*, số 1 năm 2022, tr.74-81  2. Nguyễn Thị Thu Thuỷ, Nguyễn Thị Hồng Vân, Giao lưu văn hoá giữa Việt Nam và Triều Tiên thế kỉ XVI - XVIII, *Tạp chí Khoa học trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, số 10 năm 2022. |  | **Đào tạo 01 thạc sĩ theo hướng nghiên cứu của đề tài:**  - Học viên: Nguyễn Thị Hồng Vân. - Đề tài: *Giao lưu văn hoá Việt Nam – Triều Tiên thế kỉ XVI – XIX qua khảo sát thơ văn đi sứ của sứ thần hai nước trên đất Trung Hoa* - Cơ sở đào tạo: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội - Bảo vệ ngày 29/10/2021, Quyết định: 3828/QĐ-ĐHSPHN, ngày 20/9/2021 |  |
|  | Mã số: B2021 -SPH -03 Phát triển năng lực tổ chức giáo dục pháp luật cho sinh viên sư phạm ngành Giáo dục công dân đáp ứng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. | CNĐT: PGS.TS. Phạm việt Thắng - 1977  Thành viên:   1. Đoàn Thị Thoa - 1986 2. Dương Thị Thúy Nga - 1972 3. Hoàng Thị Thuận - 1987 4. Nguyễn Thị Thanh Tùng - 1983 5. Nguyễn Thị Quang Đức - 1991 6. Lưu Thị Thu Hà - 1991 | Khoa | 2021 -2022 | Đang thực hiện | 220 |  |  | Đào tao 01 thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu đề tài; | Khung năng lực tổ chức giáo dục pháp luật cho sinh viên sư phạm ngành giáo dục công dân.  Chương trình đào tạo định hướng phát triển năng lực tổ chức giáo dục pháp luật cho sinh viên sư phạm ngành giáo dục công dân.  Tài liệu bồi dưỡng giáo viên giáo dục công dân về năng lực tổ chức giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông |
|  | Mã số: B2021 -SPH -04 Tư tưởng khoan dung, đoàn kết của Nguyễn Trãi và giá trị của nó đối với Việt Nam hiện nay | CNĐT: TS Hồ Công Lưu - 1981  Thành Viên:   1. PGS.TS Nguyễn Thị Thọ 2. Phan Thị Lệ Dung 3. TS. Hồ Công Đức 4. PGS.TS Nguyễn Thị Mỹ Hạnh 5. TS. Hà Đăng Việt 6. TS. Trần Văn Kiên 7. TS. Nghiêm Thị Châu Giang | Viện Triết học - Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam | 2021 -2022 | Đang thực hiện | 215 | 01 bài báo quốc tế: Phan Thi Le Dung, Ho Cong Luu, Ta Thi Van Ha, Nguyen Thi Tho, Ho Cong Duc: Nguyen Trai's Philosophical thoughts on Tolerance and Solidarity: Value for Building a Consensual, Harmonious, Humane and Compassionate Society in Vietnam, 2021, Journal of Positive Psychology and Wellbeing: Vol.5.No.4 (2021) |  | Đào tạo 01 thạc sĩ:  - Học viên Trần Nam Khang K29: Tư tưởng thân dân của Nguyễn Trãi và ý nghĩa của nó đối với công tác dân vận ở Tỉnh An Giang hiện nay (đã bảo vệ thành công và nhận bằng thạc sĩ ngày 31/12/2021).  - Học viên Phạm Thúy Hường K31: Tư tưởng khoan dung của Nguyễn Trãi (đã bảo vệ thành công vào ngày 31/10/2022) | Khuyến nghị về giáo dục tính nhân văn, khoan dung và đoàn kết trong các tổ chức, chính trị, xã hội và các cơ sở giáo dục |
|  | Mã số: B2021 -SPH -05 Nghiên cứu phát triển năng lực phòng ngừa bệnh trẻ em cho giáo viên mầm non. | CNĐT: TS. Hoàng Quý Tỉnh - 1981  Thành viên:   1. ThS. Nguyễn Thị Thùy Dương 2. TS. Mai Quốc Khánh - 1983 3. ThS. Đinh Hương Ly - 1981 4. TS. Nguyễn Phúc Hưng - 1978 5. ThS. Nguyễn Anh Việt - 1981 6. TS. Phan Trung Kiên - 1981 7. ThS. Nguyễn Thị Thùy Linh - 1979 8. CN. Nguyễn Thu Thủy - 1981 9. TS. Nguyễn Nam Phương - 1984 |  | 2021 -2022 | Đang thực hiện | 255 | Phan Trung Kien, Mai Quoc Khanh, Trinh Thuy Giang, Hoang Quy Tinh, Dinh Hương Ly “ Developing Competence to Prevent Children’s Diseases for Preschool Teachers in Vietnam. International Journal of Health Sciences, 6(S1), 2352-2367, <https://doi.org/10.53730/ij> hs.v6nS1.5289.  Mai Quốc Khánh, Lê Thị Hoàng Lan, Nguyễn Thị Thùy Dương, Phan Trung Kiên, Lý Văn Thạch, Lâm Thị Thạnh – “ Tổng quan tình hình nghiên cứu về phát triển năng lực phòng ngừa bệnh trẻ em cho giáo viên mầm non”. Duyệt đăng số đặc biệt tháng 10 ngày 23/10/2022.  Mai Quốc Khánh, Nguyễn Anh Việt, Lê Thị Hoàng Lan, Phan Trung Kiên, Lý Văn Thạch, Lâm Thị Thạnh, Nguyễn Thị Thùy Linh – “ Biện pháp bồi dưỡng năng lực phòng ngừa bệnh lây nhiễm ở trẻ em cho giáo viên các trường mầm non”. Duyệt đăng số kỳ 1 tháng 11, ngày 1 tháng 11 năm 2022. |  | * Đào tạo 01 thạc sĩ:   Nguyễn Thu Thuỷ: “ Biện pháp phòng ngừa bệnh học đường cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi ở trường mầm non” – Luận văn thạc sỹ - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội  Số hiệu Bằng: B003140, vào sổ cấp bằng số: 22790 của trường Đại học Sư phạm Hà Nội   * Hỗ trợ đào tạo 01 NCS   Đinh Hương Ly: “ Giải pháp khắc phục tình trạng trẻ mẫu giáo có nguy cơ thừa cân trên địa bàn thành phố Hà Nội” – Luận án Tiến sỹ - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội | * Báo cáo kiến nghị về “ Công tác tổ chức, bồi dưỡng phát triển năng lực phòng ngừa bệnh trẻ em cho giáo viên mầm non” cho các đơn vị quản lý giáo dục tham khảo và triển khai * Tài liệu hướng dẫn các điều kiện thực hiện giải pháp |
|  | Mã số: B2021 -SPH -06 Xây dựng hệ thống phương tiện dạy học nhằm phát triển năng lực khoa học tự nhiên của học sinh trường Trung học cơ sở | CNĐT: TS. Nguyễn Anh Thuấn - 1973  Thành viên:  1. Trần Ngọc Chất - 1981  2. Nguyễn Văn Biên - 1979  3. Đỗ Thị Quỳnh Mai - 1978  4. Đoàn Văn Thược - 1979  5. Đinh Khánh Quỳnh - 1974  6. Nguyễn Thị Minh Châu - 1997 | Công ty Cổ phần thiết bị sáng tạo E-Nature | 2021 -2022 | Đang thực hiện | 325 | **Bài báo trong nước:**  1. Nguyễn Anh Thuấn, Nguyễn Thị Minh Châu, *Xây dựng phương tiện dạy học chủ đề “Năng lượng và cuộc sống” – Khoa học tự nhiên 6,* Tạp chí Thiết bị Giáo dục, Số đặc biệt tháng 10 năm 2021, tr. 72-74. |  | Đào tạo 02 thạc sĩ theo hướng nghiên cứu của đề tài:  - Nguyễn Thị Minh Châu, Cơ sở đào tạo: ĐHSP HN, bảo vệ 31/10/2021, Quyết định số 3675/QĐ-ĐHSPHN, tên đề tài: Xây dựng và sử dụng phương tiện dạy học chủ đề “Năng lượng và cuộc sống” - Khoa học tự nhiên 6  - Lộ Đàng Đăng Try, Cơ sở đào tạo: ĐHSP TP HCM, bảo vệ 29/5/2022, tên đề tài: Xây dựng và sử dụng phương tiện dạy học trong dạy học chủ đề “Lực và chuyển động” – Khoa học tự nhiên 6 |  |
|  | Mã số: B2021 -SPH -07 Năng lực học tập của sinh viên Đại học sư phạm trong chuyển đổi từ phương thức học trực tiếp sang học online. | CNĐT: TS. Vũ Thị Ngọc Tú - <năm sinh 1979>  Thành viên:1. Nguyễn Thị Hải Thiện - <1980> 2.Trần Quốc Thành – 1956, 3.Hoàng Anh Phước – 1978,Nguyễn Thị Huệ -1962,Mai Quốc Khánh – 1982,Vũ Thái Giang – 1974, Nguyễn Thị Hương -1977, Lương Thị Thanh Hải -1979 | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Nghệ thuật Trung Ương | 2021 -2022 | Đang thực hiện | 215 | Prioritization of Factors Impacting Students’ E-Learning Outcomes Using a Fuzzy Analytic Hierarchy Process Approach: The case of Pedagogical Universities in Vietnam  Vũ Thị Ngọc Tú, Cơ sở của việc chuyển đổi phương thức dạy học từ trực tiếp sang trực tuyến trong các trường sư phạm. Tạp chí Tâm lý học, tháng 6 – 2022, từ trang 50-tr60.  Vũ Thị Ngọc Tú, Nguyễn Thị Hải Thiện, Hoàng Anh Phước, Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên sư phạm với phương thức học trực tiếp sang học trực tuyến. Tạp chí Tâm lý học Việt Nam (đang chờ đăng tháng 10) |  | Năng lực học tập của học sinh trung học cơ sở trường liên cấp Greenfiel trong điều kiện học trực tuyến.  Học viên: Nguyễn Thị Thanh, cao học K29  Quyết định bảo vệ: số 1793/QĐ – ĐHSPHN ngày 25 tháng 5 năm 2022  Biên bản bảo vệ ngày 30 tháng 6 năm 2022 |  |
|  | Mã số: B2021 -SPH -08 Phát triển năng lực đánh giá quá trình cho giáo viên theo tiếp cận năng lực học sinh trong dạy học môn Khoa học tự nhiên ở THCS. | CNĐT: ThS. Hà Thị Lan Hương - Sinh năm 1976  Thành viên: TS. Đỗ Thị Quỳnh Mai; PGS.TS. Đào Thị Việt Anh; TS. Nguyễn Thị Kim Ánh; PGS.TS. Phan Thị Thanh Hội; TS. Nguyễn Thị Hằng Nga; ThS. Nguyễn Thu Hà; CN. Nguyễn Thị Thuý Hà; ThS. Đào Thị Việt Hằng | Trường THCS Thanh Nê-Kiến Xương-Thái Bình | 2021 -2022 | Đang thực hiện | 280 | 1. Nguyen Thi Kim Anh, Nguyen Xuan Dạt, Ha Thi Lan Huong. Applying formative assessment in project-based learning with the topic “matter and its change” of natural science for grade 6 to develop the competence of studying nature of students. HNUE, 2022.  2. Hà Thị Lan Hương, Nguyễn Minh Tuấn (2021). Xây dựng chương trình bồi dưỡng nâng cao năng lực đánh giá quá trình cho giáo viên ở trường THCS. Tạp chí Dạy và Học ngày nay, kỳ 1 (6/2021), tr.40-42; 45.  3. Đỗ Thị Quỳnh Mai, Hà Thị Lan Hương, Đỗ Minh Đức (2022). Xây dựng bộ cô ng cụ đánh giá quá trình trong dạy học môn Khoa học tự nhiên lớp 6 nhằm phát triển năng lực khoa học tự nhiên của học sinh. Tạp chí khoa học giáo dục HNUE (bài báo đã được phản biện và chấp nhận đăng) |  | 1. Đánh giá năng lực khoa học tự nhiên thông qua xây dựng bộ công cụ đánh giá quá trình trong dạy học chủ đề “Chất và sự biến đổi của chất” – Môn Khoa học tự nhiên 6, Đỗ Minh Đức, ĐHSP Hà Nội  2. Vận dụng đánh giá quá trình trong tổ chức dạy học chủ đề “Hỗn hợp” - Khoa học tự nhiên 6 theo mô hình lớp học đảo ngược nhằm phát triển năng lực nhận thức hoá học cho học sinh, Nguyễn Thị Hằng Nga, ĐHSP Hà Nội 2  3. Vận dụng đánh giá quá trình trong tổ chức dạy học chủ đề “Oxygen và không khí” - Khoa học tự nhiên 6 theo phương thức trải nghiệm nhằm phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng cho học sinh, Lưu Thị Thu Hiền, ĐHSP Hà Nội 2 |  |
|  | Mã số: B2021 -SPH -09 Giáo dục thể chất cho học sinh phổ thông thông qua xã hội hóa đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông 2018. | CNĐT: TS. Nguyễn Thành Trung - 1976  Thành viên:   1. ThS. Nguyễn Bá Hòa -1974 2. TS. Đỗ Xuân Duyệt - 1979 3. ThS. Nguyễn Thị Thùy Dương - 1977 4. TS. Mai Quốc Khánh - 1983 5. ThS. Trần Trung Tình - 6. TS. Phan Trung Kiên - 7. ThS. Nguyễn Thị Ngọc - 1978 8. ThS. Vũ Việt Hùng - 1984 9. CN. Đặng Trần Dũng - 1985 |  | 2021 -2022 | Đang thực hiện | 240 | Nguyen Dang Trung, Nguyen Thanh Trung, Nguyen Thi Thanh Hong, Do Xuan Duyet, Tu Duc Van “The Actual Status of Physical Education for High School Learners Through Socializing in Vietnam”. International Journal of Health Sciences. Vol.6 No.1, April 2022, page: 304-311.  Nguyễn Thành Trung, Đỗ Danh Tùng, Nguyễn Thị Ngọc, Nguyễn Bá Hòa, Nguyễn Thế Toàn, Trần Văn Lưu, Ngô Quốc Chung – “ Tổng quan nghiên cứu về giáo dục thể chất cho học sinh phổ thông thông qua xã hội hóa”. Tạp chí Thiết bị giáo dục. Duyệt đăng số đặc biệt tháng 11/2022 ngày 1 tháng 11 năm 2022. ISSN 1859-0810. |  | Cao Văn Hùng – “Lựa chọn biện pháp nâng cao chất lượng giờ học Giáo dục thể chất chính khoá cho học sinh khối 11 Trường THPT Green City Academy Đan Phượng” – Luận văn Thạc sỹ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. | Báo cáo kiến nghị về “Công tác tổ chức, thực hiện giáo dục thể chất cho học sinh phổ thông thông qua xã hội hóa đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông 2018” cho các đơn vị quản lý giáo dục, các trường phổ thông tham khảo và triển khai |
|  | Mã số: B2021 -SPH -10 Chuẩn hoá Bộ công cụ Đánh giá Lời nói Việt để nhận diện rối loạn âm lời nói ở trẻ em | CNĐT: TS. Phạm Thị Bền - 1979  Thành viên:  1. ThS. Trần Tuyết Anh - 1979  2. TS. Hoàng Thị Nho - 1975  3. ThS. Trần Thi Thiệp - 1967  4. ThS. Bùi Thị Anh Phương - 1984  5. ThS. Phạm Thị Hằng - 1985  6. ThS. Phạm Thị Vân - 1981  7. CN. Lưu Thuỳ Dương - 1988  9. CN. Phạm Thị Vấn - 1988  10. CN. Nguyễn Thị Hằng - 1983 |  | 2021 -2022 | Đang thực hiện | 215 | Phạm, B., McLeod, S., & Margetson, K. (2022). Dialectal considerations in identifying speech sound disorders in Vietnamese children. (under revision)  **Bài báo trong nước:**  1. Phạm Thị Bền, Phạm Thị Hằng, Phạm Thị Vân, Trần Thị Thiệp, Bùi Thị Anh Phương, Trần Tuyết Anh (2022). Tổng quan các công cụ đánh giá âm lời nói của trẻ em Việt Nam. Bản thảo nộp Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số Khoa học Giáo dục hội thảo quốc tế Steam với Giáo dục hoà nhập (mới nộp bản thảo, cong bo vao thang 12/2022)  2. Phạm Thị Vấn, Phạm Thị Bền, Sharynne McLeod, & Võ Nguyên Trung (2021). Tổng quan các tiêu chuẩn chẩn đoán rối loạn âm lời nói ở trẻ em. *Tạp chí Khoa học trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số Khoa học Giáo dục, 66*(4AB), 82-97. doi: 10.18173/2354-1075.2021-0063.  3. Nguyễn Thị Hằng, Phạm Thị Bền, Sharynne McLeod, & Đỗ Văn Dũng (2021). Tổng quan mô tả về thang đo tính dễ hiểu theo ngữ cảnh. *Tạp chí Khoa học trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số Khoa học Giáo dục, 66*(4AB), 68-81. doi: 10.18173/2354-1075.2021-0062.  **Báo cáo hội thảo quốc tế**  1. Phạm Thị Bền (11/2021). Identifying speech sound disorders in Vietnamese-speaking children [Nhận diện rối loạn âm lời nói ở trẻ em Việt Nam]. *International Conference on Identification, Assessment and Intervention for Children with Specific Learning Disorders in School Context*. 2-3 November 2021, Ho Chi Minh City, Viet Nam: <https://ussh2021conference.weebly.com>  2. Ben, Phạm (4/2022). |  | Đào tạo 01 thạc sĩ theo hướng nghiên cứu của đề tài (Học viên: Phạm Thị Vấn, Cơ sở đào tạo: ĐH Y Dược thành phố Hồ Chí Minh, bảo vệ 05/11/2021, tên đề tài: Đặc điểm lời nói của trẻ có rối loạn âm lời nói ở miền bắc Việt Nam) | Bộ công cụ Đánh giá lời nói Việt (phiên bản nghiên cứu) bao gồm: Sách tranh, Phiếu chấm điểm và tài liệu hướng dẫn.  Bộ công cụ đã được sử dụng trong một số đề tài nghiên cứu. |
|  | Mã số: B2021 -SPH -11 Cấu trúc tinh thể và giản đồ pha của hệ chất mềm dị hướng: Nghiên cứu mô phỏng và thực nghiệm | CNĐT: PGS.TS. Phạm Văn Hải - 1981  Thành viên:  1 PGS.TS Trần Mạnh Cường -1979  2.PGS.TS Đỗ Danh Bích- 1980  3. TS. Trần Phan Thuỳ Linh-1985  4. TS. Nguyễn Thị Thảo - 1986  5. TS. Trịnh Đức Thiện - 1984  6. HV. Xayteng Kioxiong - 1993 |  | 2021 -2022 | Đang thực hiện | 435 | Bài báo quốc tế ISI  1. Nguyen Tran Thanh Nam, Nguyen Thu Ha and Pham Van Hai; Phase behavior and crystal structures of binary mixtures of droplets and colloids with four-patch colloids; Journal of Physical Society of Japan (tạp chí SCIE Q2), (2021) 90, 114604;<https://doi.org/10.7566/JPSJ.90.114604>  2. Nguyen Thu Ha, Nguyen Tran Thanh Nam and Pham Van Hai; Tunable crystal structures of binary mixtures of various patchy colloids and droplets; Journal of Dispersion Science and Technology (tạp chí SCIE Q2), (2021) <https://doi.org/10.1080/01932691.2021.1994416>  3. Vu Minh Tu, Nguyen Tran Thanh Nam and Pham Van Hai, Assembled crystal structures of cubic patchy colloid-droplet mixtures: theoretical prediction and simulation study; Colloid and Polymer Science; (tạp chí SCIE Q2), (2022) (revised)  Bài báo trong nước  1. Vu Minh Tu, Nguyen Tran Thanh Nam, Tran Phan Thuy Linh, Pham Van Dien, Doan Thi Hien, Tran Manh Cuong and Pham Van Hai, Binary hard-sphere colloid-droplet mixtures with the pyrite-type structure; Dalat University Journal of Science (tạp chí ACI trong danh mục tính điểm của HĐGSNN 0.75 điểm) (2022) (accepted) |  | Đào tạo 01 Thạc sĩ đã bảo vệ thành công theo hướng nghiên cứu của đề tài |  |
|  | Mã số: B2021 -SPH -12 Nghiên cứu đa dạng ở mức phân tử và đánh giá khả năng sinh tổng hợp lipase, protease ngoại bào của vi khuẩn phân lập được từ chượp mắm tôm | CNĐT: PGS.TS. Đoàn Văn Thược - 1979  Thành viên:   1. PGS.TS. Phí Quyết Tiến - 1976 2. TS. Lê Thị Tươi - 1985 3. TS. Đào Thị Sen - 1984 4. TS. Triệu Anh Trung - 1983 5. ThS. Trần Thị Định - 1980 6. CN. Khuất Thị Mai - 1997 | Viện Công nghệ Sinh học, Viện Hàn lâm Khoa học Việt Nam | 2021 -2022 | Đang thực hiện | 595 | Đang viết bài báo trong nước và quốc tế |  | Đang đào tạo 02 thạc sỹ (K30) theo hướng nghiên cứu của đề tài   1. Khuất Thị Mai 2. Nguyễn Thị Tâm   (02 thạc sỹ đã bảo vệ ngày 28/10/2022) |  |
|  | Mã số: B2021 -SPH -13 Ảnh hưởng của quá trình đô thị hóa lên đa dạng và phân bố của quần xã chim khu vực nội thành, thành phố Hà Nội. | CNĐT: PGS.TS. Nguyễn Lân Hùng Sơn - 1976  Thành viên:  1. ThS. Đỗ Thị Hồng - 1981  2. NCS. Vương Thu Phương - 1993  3. PGS.TS. Hà Quý Quỳnh - 1975  4. ThS. Nguyễn Thanh Vân - 1984  5. ThS. Lý Ngọc Tú - 1990  6. TS. Nguyễn Thị Kim Thanh - 1981 | Công ty Công viên cây xanh Hà Nội | 2021 -2022 | Đang thực hiện | 300 | Bài báo quốc tế:  ISI:  Scopus:  Bài báo trong nước:  **Nguyễn Lân Hùng Sơn**, Trịnh Thị Nga, Vương Thu Phương, Nguyễn Thanh Vân, 2021. Đa dạng thành phần loài chim ở quận Hoàn Kiếm và quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. *Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn*, Kỳ 2, tháng 7/2021, tr: 135-144.  Bài báo hội thảo quốc tế:  Bài báo hội thảo trong nước:  Nguyễn Quang Huy, Vương Thu Phương, **Nguyễn Lân Hùng Sơn**, 2022. Đa dạng thành phần loài chim ở quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. *Báo cáo khoa học về Nghiên cứu và Giảng dạy Sinh học ở Việt Nam, Hội nghị khoa học quốc gia lần thứ 5,* Nxb Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, ISBN: 978-604-357-065-6, tr: 109-116. DOI: 10.15625/vap.2022.0012. |  | - Đào tạo thành công 1 Thạc sỹ chuyên ngành Động vật học (ThS. Trịnh Thị Nga - 2021).  1 cao học đang chuẩn bị bảo vệ trong T10/2022 (Nguyễn Quang Huy)  - Đang hỗ trợ đào tạo 01 NCS (NCS. Vương Thu Phương). |  |
|  | Mã số: B2021 -SPH -14 Nghiên cứu tổng hợp hệ vật liệu composite cellulose/chitosan/Fe3O4 từ phế phẩm nông nghiệp ứng dụng trong xử lý ô nhiễm ion kim loại nặng trong nước | CNĐT: TS. Phùng Thị Lan - <năm sinh>  Thành viên:  1……<tên>……… - <năm sinh> |  | 2021 -2022 | Đang thực hiện | 280 | 1. **Bài báo trong nước đã chấp nhận đăng:**   Nghiên cứu cân bằng hấp phụ và động học hấp phụ Ni2+ của vỏ trấu: vai trò của sự hoạt hóa,  Tạp chí Xúc tác và Hấp phụ, Vol 4, 2022.   1. **Hai bài báo đang gửi và chờ phản biện**   2.1. Cellulose-Chitosan Composite for Adsorption of Nickel (II): A Theoretical investigation, Nguyen Thi Thu Ha1, Nguyen Thi Kim Giang, Nguyen Ngoc Ha1,\*, Phung Thi Lan1,\*  (chờ phản biênj Tạp chí Molecular Simulation (Q2; IF = 2.178): |  | 01 cao học sẽ bảo vệ hạn cuối vào 31/10/2022 |  |
|  | Mã số: B2021 -SPH -15 Tính chất nghiệm của một số lớp phương trình tiến hóa không địa phương | CNĐT: TS. Nguyễn Như Thắng - 1983  Thành viên:  1. PGS. TS. Dương Anh Tuấn -1984  2. GS. TS. Cung Thế Anh-1977  3. PGS.TS. Trần Đình Kế-1973  4. ThS-NCS. Trần Thị Quỳnh Chi-1982  5. CN. Nguyễn Thị Minh Anh-1997  6. CN. Nguyễn Thu Giang-1996 |  | 2021 -2022 | Chờ nghiệm thu | 255 | Bài báo quốc tế  ISI:  1. Duong, A., Nguyen, V., & Nguyen, T. (2021). Uniform lower bound and Liouville type theorem for fractional Lichnerowicz equations. *Bulletin of the Australian Mathematical Society 104*(3), 484-492. (SCIE, Q2)  <https://doi.org/10.1017/S0004972721000228>  2. Cung The Anh, Le Thi Thuy, and Le Tran Tinh, Long-time behavior of a family of incompressible three-dimensional Leray-*𝛼*-like models, *Bull. Korean Math. Soc. 58(5), pp. 1109–1127.* (SCIE, Q3)  <https://doi.org/10.4134/BKMS.B200470>  3. Nguyen Nhu Thang, Notes on ultraslow nonlocal telegraph evolution equations, *Proceedings of the American Mathematical Society* 2022, [Early View](https://www.ams.org/journals/proc/earlyview/proc15877/proc15877.pdf), (SCI/SCIE, Q1) https://doi.org/10.1090/proc/15877  4. Nguyen Nhu Thang, Nguyen Van Dac, Tran Dinh Ke, Stability analysis for nonlocal evolution equations involving infinite delays, [*Journal of Fixed Point Theory and Applications*](https://link.springer.com/journal/11784) 2022 (accepted), (SCIE, Q1-2)  Scopus:  5. Nguyen, T.T.H., Nguyen, N.T. & Pham, A.T., Structural Stability of Autonomous Semilinear Nonlocal Evolution Equations and the Related Semi-dynamical Systems, *Vietnam J. Math.* (2022). (Q2-Scopus)  https://doi.org/10.1007/s10013-022-00572-5 |  | * Đào tao 02 thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu đề tài (đã bảo vệ thành công):   1. Nguyễn Thị Minh Anh, QĐ bảo vệ số 4141/QĐ-ĐHSPHN ngày 28/9/2021. Số bằng 22249/B002598  2. Nguyễn Thu Giang, QĐ bảo vệ số 4142/QĐ-ĐHSPHN ngày 28/9/2021, số bằng 22253/ B002602   * Hỗ trợ đào tạo 01 NCS. |  |
|  | Mã số: B2021 -SPH -16 Xấp xỉ hàm biến thực, hàm biến phức và ứng dụng nghiên cứu toán tử Monge-Ampere | CNĐT: PGS.TS. Nguyễn Văn Trào -1973  1. PGS.TS. Phùng Văn Mạnh-1982  2.PGS.TS. Nguyễn Xuân Hồng-1983  3.Ths. Hoàng Văn Cần-1988 |  | 2021 -2022 | Nghiệm thu cơ sở | 215 | Bài báo quốc tế ISI:   1. Phung Van Manh, Nguyen Van Trao, Phan Thanh Tung, Le Ngoc Cuong, Taylor type and Hermite type interpolants in R^n, *Numerical algorithms*, 2021 <https://doi.org/10.1007/s11075-021-01109-6> (SCIE-Q1) 2. Phung Van Manh, Nguyen Van Trao, Dinh Huu Lam, Combining interpolation schemes and Lagrange interpolation on the unit sphere in R^{N+1}, *Ukrains’kyi Matematychnyi Zhurnal*, Vol. 74, no. 4, May 2022, pp. 542 -59   **DOI:** <https://doi.org/10.37863/umzh.v74i4.6512>  (SCIE-Q2)   1. Hoang Van Can, Phan Thi Lieu, The pluripolar parts of Monge-Ampere measures of F-plurisubharmonic functions, *Annales Polonici Mathematici* 128 (2022), 99-111.   DOI: <https://doi.org/10.4064/ap210318-4-10>  (SCIE-Q3) |  | Đào tạo 05 thạc sĩ   1. Nguyễn Thành Luân 2. Trần Minh Tuấn 3. Đặng Hồng Như 4. Vũ Thị Thanh 5. Vương Hải Linh |  |
|  | **B2020** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Mã số: B2020 - SPH - 01 Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự biến đổi cấu trúc và độ bền cơ học của các hệ hợp kim nhị nguyên Cu-Ni và hệ hợp kim tam nguyên Fe-Cu-Ni | CNĐT: TS. Nguyễn Thị Thảo - 1986  Thành viên:  1. PGS. TS Lê Văn Vinh - 1976  2.PGS. TS Nguyễn Văn Hợp-1974  3. TS. Phạm Văn Hải-1981  4. TS. Phạm Đỗ Chung-1982  5. TS. Trần Phan Thùy Linh- 1985  6. ThS Bùi Thị Hà Giang-1988  7. ThS. Nguyễn Thị Huyền Trang-1985 |  | 2020-2021 | Đang thực hiện | 650 | + Bài báo trong nước:  1. Nguyen Thi Thao and Trinh Thi Thu Hang, INFLUENCE OF PRESSURE AND ATOMIC CONCENTRATION ON STRUCTURE AND MECHANICAL PROPERTIES OF CuNi ALLOY BY MOLECULAR DYNAMICS SIMULATION, HNUE JOURNAL OF SCIENCE, Natural Sciences 2020, Volume 65, Issue 6, pp. 54-60   * Báo cáo hội nghị Vật lí lí thuyết toàn quốc lần thứ 45 (12-14/10/2020): MOLECULAR DYNAMICS SIMULATION OF THE STRUCTURE AND MECHANICAL PROPERTIES OF CUNI ALLOY * Bài báo ISI:   1. Thao T. Nguyen, Vinh V. Le ; Tensile deformation behaviours of polycrystalline Cu80Ni20 alloy: Insights from molecular dynamics simulations; Molecular Simulation (ISI Q2), 2022, 1223-1230, DOI: 10.1080/08927022.2022.2077937. |  | + Tên luận văn: Nghiên cứu ảnh hưởng của nồng độ nguyên tử, áp suất lên đặc trưng cấu trúc và cơ tính của hệ hợp kim CuNi bằng phương pháp mô phỏng động lực học phân tử; Học viên: Trịnh Thị Thu Hằng; Số bằng: B001370  + Tên luận văn: Nghiên cứu đặc trưng cơ tính của hệ hợp kim CuNi trong quá trình làm lạnh bằng phương pháp mô hình hóa; Học viên: Thiệu Thị Thu; Số bằng: B002674 | * Các mô hình lí thuyết của hợp kim Cu-Ni với nồng độ các nguyên tố, nhiệt độ, áp suất xác định. |
|  | Mã số: B2020 - SPH - 02 Nghiên cứu tổng hợp vật liệu Fe3O4/C định hướng ứng dụng trong xử lý nước thải ô nhiễm kim loại nặng và chất màu hữu cơ | CNĐT: PGS. TS. Lê Hải Đăng - 1968  Thành viên:  1. TS. Nguyễn Văn Hải - 1977;  2. PGS.TS Trần Vĩnh Hoàng - 1981 ;  3. CN. Lưu Thu Trang - 1995;  4. CN. Nguyễn Thị Thu Hà - 1988;  5. TS. Lê Diệu Thư - 1982;  6. ThS. Vũ Viết Doanh - 1992. |  | 2020-2021 | ‘7/10/2022 | 600 | + Bài báo ISI (Q2): Hoang V. Tran\*, Hai V. Nguyen, Doanh V. Vu, Thu D. Le, Binh T. Nguyen, and Dang H. Le\*, **Carbon coated MFe2O4 (M=Fe, Co, Ni) magnetite nanoparticles: A smart adsorbent for direct yellow and moderacid red dyes**, The Korean Institute of Chemical Engineers; (SCIE Q2), 2022, 39(2), 431-439, doi: 10.1007/s11814-021-0905-2. (accepted 12 July 2021).  + BB Scopus: Le Hai Dang\*, Nguyen Van Hai, Nguyen Thi Ngoc Huyen, Vu Viet Doanh, Le Dieu Thu, Tran Vinh Hoang, **Synthesis and study of superparamagnetic Fe3O4@C core-shells nanoparticles for Cd2+ adsorption**, Vietnam Journal of Chemistry (online), Accepted, 24/12/2021, DOI: 10.1002/vjch.202100162.  + Bài báo trên Tạp chí chuyên ngành trong nước:  1. Lê Hải Đăng\*, Lưu Thu Trang, Trần Vĩnh Hoàng, Vũ Viết Doanh, Lê Diệu Thư, Nguyễn Thị Ngọc Huyền, Nguyễn Văn Hải, **Synthesis, characterization and adsorption capacity of lead(II) ions of Fe3O4/C core-shell structure materials**, Vietnam Journal of Catalysis and Adsorption, 10 – issue 2 (2021) 43-48; [doi.org/10.51316/jca.2021.026](http://doi.org/10.51316/jca.2020.026).  2. Vũ Viết Doanh, Lê Hải Đăng, Trịnh Quang Thông, **Nghiên cứu tính chất điện và quang xúc tác của màng nanocomposite ZnO-rGO**, Hội nghị Vật lý Chất rắn và Khoa học Vật liệu Toàn quốc – SPMS 2021, Cần Thơ, 13-15/8/2022, NXB BKHN, Quyển 2, Tr.734-738. |  | **+ Thạc sĩ:**  **1.** Lưu Thu Trang (CHK28): Nghiên cứu tổng hợp vật liệu cấu trúc lõi - vỏ Fe3O4/C và ứng dụng xử lý một số ion kim loại nặng trong môi trường nước; bảo vệ 11/2020.  **2.** Nguyễn Thị Thu Hà (CHK28): Tổng hợp vật liệu cấu trúc lõi - vỏ (Fe3O4 : Co, Ni)/C và ứng dụng xử lí một số phẩm nhuộm; bảo vệ 11/2020 | + Sơ đồ quy trình tổng hợp vật liệu: 01;  + Mẫu vật liệu sử dụng để nghiên cứu xử lý ô nhiễm: 02;  + Bộ số liệu về đặc trưng hấp phụ và xúc tác của vật liệu: 01;  + Bộ số liệu về đẳng nhiệt hấp phụ của vật liệu đã tổng hợp: 01. |
|  | Mã số: B2020 - SPH - 03 CTTH Kì dị của tập nửa đại số, ánh xạ đa thức và ứng dụng | CNĐT: TS. Nguyễn Thị Thảo - 1979  Thành viên:  1. PGS. TSKH. Hà Huy Vui - 1950  2. TS. Nguyễn Tất Thắng - 1983  3. TS. Phạm Anh Minh - 1987  4. Học viên cao học K28: Lê Thị Huyền - 1995 |  | 2020-2021 | 21/ 07/ 2022 | 500 | **Bài báo ISI:**  1. Tat Thang Nguyen, Takahiro Saito, Kiyoshi Takeuchi, The bifurcation set of a rational function via Newton polytopes, Mathematische Zeitschrift, 298 (2021), 899-916.  https://doi.org/10.1007/s00209-021-02698-7.  2. Huy Vui Ha, Thi Thao Nguyen, Integrability at infinity of negative powers of polynomials in the plane and its application to convergence of Dirichlet series, Studia Mathematica, 226 (2022), 55-79. https://doi.org/10.4064/ms210211-021-19-11. |  | 03 học viên cao học đã bảo vệ thành công luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài:  - Nguyễn Thị Thủy, Một số vấn đề về tối ưu hàm số thực, Cao học K28, bảo vệ tháng 07/2020.  - Lê Thị Huyền, Cao học K28, Tập giá trị Fedoryuk và bất đẳng thức Lojasiewicz của gradient đối với hàm đa thức tựa thuần nhất, Cao học K28, bảo vệ tháng 10/2020.  - Nguyễn Thị Kim Anh, Đa diện Newton và sự khả tích địa phương của lũy thừa của hàm nhẵn hai biến với số mũ âm, Cao học K29, bảo vệ tháng 7/2021. |  |
|  | Mã số: B2020 - SPH - 04 Phòng chống tham nhũng trong lịch sử Việt Nam từ thời Lê Sơ đến thời Nguyễn và những bài học kinh nghiệm | CNĐT: PGS. TS. Phan Ngọc Huyền - <1983>  Thành viên:  1. PGS.TS. Nguyễn Duy Bính (1959)  2. TS. Lê Quang Chắn (1980)  3. TS. Lê Hiến Chương (1978)  4. TS. Nguyễn Thị Thu Thuỷ (1983)  5. ThS.NCS Vũ Đức Liêm (1986)  6. ThS.NCS. Vũ Thị Nga (1978) | Viện Sử học - Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam | 2020-2021 | Đang chờ nghiệm thu | 270 | * Phan Ngọc Huyền (2020), “ISSUES ON POWER CONTROL OF EARLY LE DYNASTY FROM THE POINT OF VIEW OF RESPONSIBILITIES AND OPERATIONS OF SUPERVISOR GROUPHNUE”, Journal of Sciences (HNUE), pp.3-13. * Phan Ngọc Huyền (2022), LIÊM CHÍNH VÀ THỰC HÀNH LIÊM CHÍNH (QUA KHẢO CỨU QUAN TRƯỜNG THỜI LÊ - TRỊNH THẾ KỈ XVII - XVIII) - Tạp chí Khoa học, Đại học Sư phạm Hà Nội, số 2, tr.60-69. * 03 Bài hội thảo khoa học: * Phan Ngọc Huyền (2020), Nguyễn Công Trứ với quan trường thời Nguyễn, Kỉ yếu khoa học “Nguyễn Công Trứ với Lịch sử, văn hóa Việt Nam”, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr.744 - 757. * Phan Ngọc Huyền (2022), Ngôn quan và cơ chế kiểm soát quyền lực thời Lê Sơ, Kỉ yếu hội thảo “Sử học trẻ những nghiên cứu mới”, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội (đang chờ in). * “Kiểm soát quyền lực trong lịch sử chế độ quân chủ ở Việt Nam: cơ chế, biện pháp và bài học về công tác cán bộ hiện nay”, Hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần thứ VI “Việt Nam chủ động hội nhập và phát triển bền vững”, tháng 10/2021 (đang chờ in) * Bản thảo Bài báo quốc tế (đang chờ kết quả, chưa được xuất bản): * Power control in the history of the monarchy in Vietnam: Mechanisms, measures, and lessons from experience. * The Censorate - the Initial Lê dynasty’s Supreme Power Supervision Agency * Các sản phẩm Báo cáo tổng hợp, Báo cáo kiến nghị, các chuyên đề nghiên cứu: Hiện đã hoàn thành xong các sản phẩm theo Hợp đồng và thuyết minh. |  | Hướng dẫn thành công 02 luận văn Thạc sĩ liên quan trực tiếp đến đề tài:  +Phùng Thị Lan (K29, chuyên ngành Lịch sử Việt Nam) với đề tài luận văn “Vấn nan tham nhũng của quan lại địa phương và các biện pháp phòng chống của triều định Tự Đức”, đã bảo vệ xong luận văn tháng 6/2021.  +Lê Hoàng Uyên (K30, chuyên ngành Lịch sử Việt Nam) với đề tài luận văn “Phòng chống quan lại phạm tội dưới thời vua Tự Đức (1847 - 1883)”, đã bảo vệ xong luận văn tháng 6/2022. |  |
|  | Mã số: B2020 - SPH - 05 Phát triển phẩm chất trách nhiệm cho học sinh phổ thông trong bối cảnh hiện nay | CNĐT: PGS.TS. Lê Minh Nguyệt  Thành viên:  1. ThS. Nguyễn Thị Hà  2.PGS.TS.Vũ Thị Khánh Linh  3. TS. Khúc Năng Toàn  4. TS. Nguyễn Thị Hoa  5. TS. Trần Thị Cẩm Tú  6. TS. Lê Thị Ngọc Thuý |  | 2020-2021 | 12/10/2022 | 300 | 01 bài quốc tế: Le Minh Nguyet, Khuc Nang Toan, Tran Thi Ha, Tran Thi Cam Tu, Truong Thi Hoa (2022). Responsible quality of middle school and high school students in Vietnam. European Journal of Humanities and Social Sciences, No 3 https://doi.org/10.29013/EJHSS-22-3-60-67  03 bài trong nước: + Lê Minh Nguyệt, Phạm Thị Thoả (2021). Phẩm chất trách nhiệm của học sinh Trung học cơ sở thành phố Hà Nội. Tạp chí tâm lí học Việt Nam, số 3-2021  + Lê Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Loan (2022). Ý thức trách nhiệm của học sinh trung học cơ sở thành phố Hà Nội. Tạp chí tâm lí học Việt Nam, số 2-2022  + Lê Minh Nguyệt, Trần Thị Hà, Nguyễn Văn Hồng (2020). Tương quan giữa cảm nhận hạnh phúc và trách nhiệm của học sinh trung học cơ sở thành phố Hà Nội. Hội thảo khoa học quốc tế “Tâm lí học – Giáo dục học vì sự phát triển học sinh và nhà trường hạnh phúc” | 01 sách xuất bản: Lê Minh Nguyệt, Khúc Năng Toàn, Trần Thị Hà, Trần Thị Cẩm Tú, Cao Xuân Hải. Phát triển phẩm chất trách nhiệm cho học sinh phổ thông, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội, tháng 8-2022 | Đề tài luận văn: “Phẩm chất trách nhiệm của học sinh trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh Hưng Yên” đã bảo vệ ngày 21 tháng 11 năm 2020 tại hội đồng chấm luận văn Thạc sĩ của trường Đại học Sư phạm Hà Nội và được cấp bằng Thạc sĩ chuyên ngành Tâm lí học (Bằng Thạc sĩ số hiệu B001688) | Báo cáo kiến nghị về các biện pháp phát triển phẩm chất trách nhiệm cho học sinh phổ thông trong bối cảnh hiện nay  Báo các thực trạng phẩm chất trách nhiệm của học sinh phổ thông trong bối cảnh hiện nay  Báo cáo thử nghiệm các biện pháp phát triển phẩm chất trách nhiệm cho học sinh phổ thông trong bối cảnh hiện nay |
|  | Mã số: B2020 - SPH - 06 Nghiên cứu chuyển gen sinh tổng hợp ectoine vào tế bào cây lúa nhằm tăng khả năng chống chịu mặn, chịu nóng, chịu lạnh | CNĐT: TS. Nguyễn Văn Quyền - <1984>  Thành viên:  1.PGS. TS. Đoàn Văn Thược  2. TS. Triệu Anh Trung  3. TS. Đào Thị Sen  4. PGS. TS. Nguyễn Thị Hồng Liên  5. TS. Lê Thị Tươi - 1986  6. ThS. Trần Thị Định  7. CN. Vũ Thị Dung  8. CN. (Học viên cao học) Nguyễn Thị Yến Ngọc |  | 2020-2021 | Đang thực hiện | 500 | * Bài báo tạp chí trong nước: Hà Thu Trang, Vương Thị Quỳnh Hương, Điêu Thị Mai Hoa, Đào Thị Sen, Vũ Thị Dung và Nguyễn Văn Quyền (2021) Thiết lập điều kiện tạo và nuôi cấy callus in vitro cho nghiên cứu stress mặn ở giống lúa Khang dân 18. HNUE JOURNAL OF SCIENCE Natural Sciences 2021, Volume 66, Issue 4F, pp. 170-180 * Bài báo hội nghị toàn quốc (2022): Điêu Thị Mai Hoa, Nguyễn Văn Quyền (2022) Một số đáp ứng sinh lý, hóa sinh của cây lúa giống Khang Dân 18 giai đoạn mạ với điều kiện mặn nhân tạo. Hội nghị khoa học toàn quốc về Nghiên cứu và Giảng dạy Sinh học lần thứ 5, TP HCM. NXB Khoa học tự nhiên và Công nghệ, 713-721 | Không | * Thạc sĩ: Học viên cao học Hà Thu Trang, chuyên ngành Sinh học thực nghiệm K29; tên đề tài “Nghiên cứu ảnh hưởng của ectoine đến khả năng chống chịu mặn và lạnh của mô sẹo lúa in vitro”, Quyết định bảo vệ số 3750/QĐ-ĐHSPHN ngày 20/9/2021, bảo vệ tháng 10/2021, bảo vệ tháng 10/2021 | Dòng tế bào lúa  Dòng tế bào lúa chuyển gen |
|  | Mã số: B2020 - SPH - 07 Nghiên cứu nâng cao giá trị dinh dưỡng của bã đậu nành bằng vi sinh vật sinh tổng hợp đa enzyme để sử dụng làm thức ăn cho cá điêu hồng (Oreochromis spp.) | CNĐT: PGS.TS. Nguyễn Phúc Hưng - <1978>  Thành viên:  1.PGS.TS. Đoàn Văn Thược  2. PGS.TS. Dương Thị Anh Đào  3. TS. Trần Đức Hậu  4. TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh  5. TS. Nguyễn Thị Trung Thu  6. Th.S. Đỗ Văn Thịnh  7. CN. Nguyễn Thị Lan Hương  8. CN. Phạm Thị Ngọc Diễm (Học viên Cao học) |  | 2020-2021 | 06/10/2022 | 560 | 1. Đã hoàn thành Bài báo khoa học trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước: Đoàn Văn Thược, Nguyễn Phúc Hưng (2021). **Ảnh hưởng của nhiệt độ và pH đến khả năng sinh tổng hợp, hoạt tính và độ bền của α-amylase từ chủng vi khuẩn Bacillus subtilis V37.** Tạp chí khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội - Khoa học Tự nhiên, 66(1), 72-79. ISSN (2354-1059). 2. Đã hoàn thành việc đăng bài báo trên tạp chí uy tín, thuộc nhóm Q4 trong danh mục SCIE (bài báo đã xuất bản online): **Hung Phuc Nguyen\*, Doan Van Thuoc\*, Nguyen Thi Trung Thu, Huong Tran Thi Mai, Nguyen Tran Khanh Hoa, Nguyen Thi Tuyet Nhi, Nguyen Phuong Thao, Tran Thi Loan and Nguyen Thi Huyen My, 2022. Effects of Dietary Replacement of Fish Meal by Raw and Fermented Soybean Residues on Growth Performance, Biological Parameters and Nutrient Digestibility in Red Tilapia Fish (Oreochromis sp.). Pakistan Journal of Zoology, 1-10. DOI: https://dx.doi.org/10.17582/journal.pjz** | Không | 01 học viên cao học bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ theo hướng nghiên cứu của đề tài. Tên luận văn: Ảnh hưởng của việc lên men bã đậu nành bằng *Bacillus subtilis* V37 đến sinh trưởng, hiệu quả chuyển hóa thức ăn và tiêu hóa chất dinh dưỡng trên cá điêu hồng; Tên học viên : Nguyễn Phương Thảo; QĐ bảo vệ số 1202/QĐ-ĐHSPHN, ngày 27/4/2021 ; Ngày bảo vệ 29/10/2021 ; Số bằng Thạc sĩ B002734). | * Đã hoàn thiện sản xuất 100 kg thức ăn (được nghiệm thu cấp cơ sở) * Đã hoàn thiện 03 bộ chủng vi sinh vật (được nghiệm thu cấp cơ sở) * Đã hoàn thiện 01 quy trình lên men bã sữa đậu nành (được nghiệm thu cấp cơ sở) |
|  | Mã số: B2020 - SPH - 08 Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên phổ thông theo tiếp cận lý thuyết học tập tại nơi làm việc (Workplace Learning Theory) | CNĐT: PGS.TS. Trương Thị Bích - <1968>  Thành viên:  1. Lê Thị Thúy Nga  (học viên cao học)  2. TS. Nguyễn Thị  Kim Dung  3. ThS. Nguyễn  Hoàng Đoan Huy  4. TS. Vũ Thị Sơn  5. ThS. Hà Thị Lan  Hương  6. CN Nguyễn Thị  Lan Phương  7. TS. Vũ Mai  Hường  8. ThS. Dương Thị  Thúy Hà  9. CN. Vũ Thị Lệ  Thủy |  | 2020-2021 | 21/07/2022 | 270 | **1.** Nguyen Thi Kim Dung, Nguyen Hoang Doan Huy, Nguyen Thi Hang, Duong Thuy Ha,*Selt-perception of teachers and managers of the impact of teachers’ professional development in Vietnam*. ФЕДЕРАЛЬНОЕ ГОСУДАРСТВЕННОЕ АВТОНОМНОЕ ОБРАЗОВАТЕЛЬНОЕ УЧРЕЖДЕНИЕ ВЫСШЕГО ОБРАЗОВАНИЯ. «КАЗАНСКИЙ (ПРИВОЛЖСКИЙ) ФЕДЕРАЛЬНЫЙ УНИВЕРСИТЕТ» ОБРАЗОВАНИЕ И САМОРАЗВИТИЕ EDUCATION AND SELF DEVELOPMENT. Том 15, № 2, 2020, Volume 15, № 2, 2020.  **2**. Trương Thị Bích, *Kinh nghiệm quốc tế về phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên theo lí thuyết học tập tại nơi làm việc*. Tạp chí Giáo dục, số Đặc biệt, tháng 5/2021. Tr. 193 – 199.  **3.** Trương Thị Bích, Nguyễn Thị Kim Dung, Các biện pháp p*hát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên* theo phương thức tổ chức cộng đồng học tập trong nhà trường. Tạp chí Giáo dục, số tháng 7/2021. Tr.35-40.  **5.4.** Hỗ trợ đào tạo 01 học viên cao học. Đề tài: *Xây dựng môi trường làm việc khuyến khích hợp tác tại các trường tiểu học quận Lê Chân, TP Hải Phòng*. Học viên: Lê Thị Thúy Nga. Học viên đã bảo vệ đề tài từ tháng 10/2020. | Không | Đào tạo 02 thạc sĩ:  1. Dự đoán mối liên hệ giữa microRNA và bệnh dựa trên mạng hỗn tạp (Trần Thị Lan – QĐ bào vệ: 4934/QĐ-ĐHSPHN, ngày 28 tháng 10 năm 2020).  2. Dự đoán phần mềm độc hại bằng mô hình học máy từ dữ liệu mạng hỗn tạp (Đặng Đức Nam – 4935/QĐ-ĐHSPHN, ngày 28 tháng 10 năm 2020).  Hỗ trợ đào tạo 01 NCS:  NCS Giang Thành Trung – NCS tại Đại học Công nghệ, ĐHQG Hà Nội – đã nghiệm thu cơ sở | 1. Mô hình dự đoán mối quan hệ giữa lncRNA và bệnh.  2. Mô hình phân lớp bệnh nhân ung thư và bệnh nhân Alzheimer. |
|  | Mã số: B2020 - SPH - 09 Phát triển năng lực giáo dục kỹ năng sống cho sinh viên ngành sư phạm | CNĐT: PGS.TS. Trịnh Thúy Giang - <1973>  Thành viên:  1. .TS. Mai Quốc Khánh (1984)  2.PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Hồng (1980)  3. PGS.TS. Hoàng Thanh Thúy (1967)  4. PGS.TS. Vũ Lệ Hoa (1966)  5. TS. Nguyễn Nam Phương (1984)  6. TS. Nguyễn Thị Thanh Trà (1978)  7. TRần Diệu Linh (1992) | Trường ĐHSP Hà Nội 2 | 2020-2021 | ‘10/2022 | 200. | -01 bài báo quốc tế với tiêu đề: "Designing skills for Life Skills Education Plan of Pedagogical Students in Vietnam", International Research Journal of Management, IT& Social Sciences. Doi.org/10.217.44/irjmis.v9n4.2101  02 bài báo trong nước  - Trịnh Thúy Giang, Mai Quốc Khánh, Nguyễn Thị Thnah Hồng (2021), “Cấu trúc năng lực giáo dục kĩ năng sống của giáo viên phổ thông trong bối cảnh đổi mới giáo dục phổ thông”, Tạp chí Thiết bị giáo dục, số đặc biệt 12/2021.  - Trịnh Thúy Giang, Mai Quốc Khánh (2022), “Thực trạng chương trình đào tạo năng lực giáo dục kĩ năng sống cho sinh viên ở các trường sư phạm”, Tạp chí Thiết bị giáo dục, số 265, kỳ 2, tháng 5/2022. | 01 sách tham khảo  Trịnh Thúy Giang (chủ biên), Phát triển năng lực giáo dục kĩ năng sống cho sinh viên ngành sư phạm, Nhà xuất bản Khoa học kĩ thuật, Hà Nội 2022 | Đào tạo 02 thạc sỹ:  1. Giáo dục kĩ năng sống thông qua hoạt động cộng đồng cho học sinh trung học cơ sở huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội ( Nguyễn Khánh Huyền - bảo vệ ngày 18.7.2021)  2. Phối hợp các lực lượng xã hội trong giáo dục kĩ năng sống cho học sinh trung học phổ thông huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La ( Vì Việt Nam - bảo vệ ngày 4/7/2020) | Bản kiến nghị về các biện pháp phát triển năng lực giáo dục kỹ năng sống cho sinh viên ngành sư phạm |
|  | Mã số: B2020 - SPH - 10 Giáo dục kỹ năng giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu cho học sinh trung học cơ sở các tỉnh Trung du và miền núi Bắc Bộ của Việt Nam. | CNĐT: TS. Nguyễn Quyết Chiến - <1976>  Thành viên:  1. PGS.TS. Kiều Văn Hoan (1976)  2. TS. Vũ Thị Mai Hương (1976)  3. TS. Trịnh Quang Thoại  4. TS. Tô Thị Hồng Nhung (1976)  5. NCS. Hà Văn Thắng | Trường ĐH Lâm nghiệp | 2020-2021 | Đang chờ nghiệm thu | 300 | 01 bài quốc tế: Q. C. Nguyen, T. H. Y. Ngo and T. M. H. Vu (2022). *Assessing the potential risks of extreme weather events causing flood hazards for rice cultivation regions in Quang Nam Province*. Research On Crops journal Vol. 23, No. 3 (September) 2022, Page: 481-487,<https://gauravpublications.com/journal/research-on-crops/ROC-844> (Scopus, Q3).  01 bài tạp chí trong nước: Vũ Thị Mai Hương, Tô Thị Hồng Nhung, *Thực trạng năng lực giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu của học sinh trung học cơ sở huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu* (đã gửi bài cho Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và đang chờ kết quả phản biện) |  | - 01 học viên cao học đã bảo vệ thành công luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài:  Đặng Thị Tuyết Mai, Đặc điểm và biến đổi khí hậu tỉnh Phú Thọ, cao học K28, bảo vệ tháng 10/2020.  - 01 học viên cao học đã bảo vệ thành công luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài: Nguyễn Thị Minh Tuyến, Đánh giá điều kiện sinh khí hậu phục vụ phát triển một số cây công nghiệp ở tỉnh Phú Thọ, cao học K29, bảo vệ tháng 10/2021. |  |
|  | Mã số: B2020 - SPH - 11 Nghiên cứu các mô hình khai phá dữ liệu mạng thông tin hỗn tạp và ứng dụng giải một số bài toán phân lớp/dự đoán liên kết trong tin-sinh học. | CNĐT: PGS.TS. Trần Đăng Hưng - 1979  Thành viên:   1. TS. Lê Thị Tú Kiên - 1977 2. TS. Đặng Xuân Thọ - 1985 3. TS. Trần Thị Thúy - 1975 4. ThS. Giang Thành Trung - 1986 5. ThS. Thái Thị Thanh Vân - 1979 6. ThS. Nguyễn Văn Tỉnh - 1978 | Trung tâm Công nghệ cao, Viện nghiên cứu Tế Bào Gốc và Công nghệ gen Vinmec  Life Sciences Research Unit, University of Luxembourg | 2020-2021 | ‘16/5/2022 | 470 | **Bài báo ISI:**  1.Stratifying Patients Using Multiple Kernel Learning Framework: Case studies of Alzheimer’s Disease and Cancers, BMC Medical Informatics and Decision Making, DOI: 10.1186/s12911-020-01140-y [**ISI, Q1**].  **Hội nghị quốc tế:**  1. A new method on lncRNA-disease-miRNA tripartite graph to predict lncRNA-disease associations, 9th International Conference on Knowledge and Systems Engineering, IEEE, 287-293. DOI: [10.1109/KSE50997.2020.9287563](https://doi.org/10.1109/KSE50997.2020.9287563)  **Bài báo trong nước:**  1. Building and mining graph databases from biomedical heterogeneous networks, Tạp chí Đại học Sư phạm Hà Nội, Volume 66, Issue 2, pp. 57-65.  2. Tổng quan các phương pháp tính toán dự đoán quan hệ ncrna-bệnh sử dụng các phương pháp phân tích mạng thông tin hỗn tạp (đã xong bản thảo, chuẩn bị nộp). |  | **Đào tạo:**   * Hỗ trợ 03 NCS (Giang Thành Trung, Nguyễn Văn Tỉnh, Thái Thị Thanh Vân)   Giang Thành Trung – NCS tại Đại học Công nghệ, ĐHQG Hà Nội  o Nguyễn Văn Tỉnh – NCS tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội  o Thái Thị Thanh Vân – NCS tại Học viện Bưu chính viễn thông   * Có 02 học viên cao học đã bảo vệ luận văn (Trần Thị Lan, Đặng Văn Nam)   Dự đoán mối liên hệ giữa microRNA và bệnh dựa trên mạng hỗn tạp (Trần Thị Lan – K28, ĐHSPHN;).  2. Dự đoán phần mềm độc hại bằng mô hình học máy từ dữ liệu mạng hỗn tạp (Đặng Đức Nam – K28, ĐHSPHN;).  3. Nghiên cứu cơ sở dữ liệu đồ thị và ứng dụng trong bài toán dự đớn mối quan hệ giữa gen và bệnh (Vũ Đức Hùng – K29, ĐHSPHN). | **Sản phẩm ứng dụng:**  - 01 quy trình khai phá dữ liệu trên mạng sinh học hỗn tạp |
|  | Mã số: B2020 - SPH - 562 - 12 Nghiên cứu sự glycosyl hóa bằng enzyme các hợp chất xanthone có trong vỏ quả măng cụt, tạo dẫn xuất và phân lập, đánh giá hoạt tính kháng ung thư, kháng khuẩn | CNĐT: TS. Lê Thị Tươi - 1986  Thành viên:  1. PGS.TS Lê Thị Phương Hoa-1974  2. PGS.TS Đặng Ngọc Quang-1974  3.ThS. Mai Phương Thanh - 1986  4.TS. Đào Thị Sen-1985  5.TS. Đào Văn Tấn-1974  6.ThS. Vũ Thị Bích Huyền-1988  7.TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh-1985  8. KS.Nguyễn Thị Lan Hương-1981  9.Nguyễn Yến Linh-1999 |  | 2020-2021 | Đang chờ nghiệm thu | 530 | **Bài báo trong nước:**  1. Nguyen Duong Anh Hong, Dam Hoang Linh, Le Thi Tuoi, Do Thi Nhu Trang, Duong Thi Anh Dao, Nguyen Thi Trung Thu, Le Thi Tuyet. Effect of mangosteen (*Garcinia mangostana* L.) peel extract on weight loss and adipose tissue mass in mice. Báo cáo khoa học về nghiên cứu và giảng dạy Sinh học ở Việt Nam- Hội nghị Khoa học quốc gia lần thứ 5-2022, p.616-623. DOI: 10.15625/vap.2022.0067.  2. Lê Thị Tươi\*, Thân Văn Thái, Nguyễn Thị Hiền, Trịnh Minh Quân, Phạm Bùi Mỹ Linh, Bùi Minh Quang, Nguyễn Thị Len. Determination of a-mangostin, total phenolic content and antioxidant, antibacterial activities of mangosteen (*Garcinia mangostana* L.) pericarp extracts. Hội nghị CNSH toàn quốc 2022, 4-6 tháng 11, 2022. (chấp nhận đăng).  3. Glycosyation of mangosteen pericarp extracts (*Garcinia mangostana* L.) and biological activities assessment of post-reaction extracts.  (Đang hoàn thiện bản thảo). |  | 01 ThS, tên luận văn: “Nghiên cứu một số thành phần hoá học và hoạt tính sinh học của cao chiết vỏ quả măng cụt (*Garcinia mangosstana* L.) glycosyl hoá”; Nguyễn Văn Hân; Số 3747/QĐ-ĐHSPHN về việc thành lập Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ, ngày 20 tháng 9 năm 2021; bảo vệ tháng 11/2021.  01 NCS có cùng công bố với nhóm nghiên cứu của đề tài. | 02 hợp chất:  - b-mangostin 6-O-b-D-glucopyranoside  - b-mangostin 6-O-b-D-2-deoxyglucopyranoside  Được tách chiết, phân lập và phân tích cấu trúc hoá học (1H-NMR. 13C-NMR)  -01 Báo cáo phân tích sự chuyển hóa nhờ enzym của các hợp chất chính trong dịch chiết vỏ quả măng cụt |
|  | **B2019** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Nghiên cứu tổng hợp, xác định các đặc trưng và tính chất một số polythiophene mới, ứng dụng trong siêu tụ điện. B2019 - SPH - 562 - 05 | "CNĐT: PGS.TS. Vũ Quốc Trung - 1972  Thành viên:  1. Đường Khánh Linh - 1978  2. Ngô Tuần Cường - 1980  3. Vũ Thị Hương - 1979  4. Nguyễn Thiên Vương - 1970  5. Lê Trọng Lư - 1972  6. Nguyễn Thúy Chinh - 1987  7. Hà Mạnh Hùng - 1973  8. Đoàn Thị Yến Oanh - 1974  9. Trần Thị Thùy Dương - 1993  " | Viện Kỹ thuật nhiệt đới | 2019-2020  ra hạn 6/2022 | QĐ: 1530/QĐ – BGDĐT 10/06/2022  Nghiệm thu:  18/6/2022  Xuất sắc | 710 | Bài báo ISI: 1. Quoc Trung Vu, Thi-Thuy-Duong Tran, Thuy-Chinh Nguyen, Thien Vuong Nguyen, Vinh Pham Van, Hien Nguyen, Nguyen Trong Dung, Dinh Duc Nguyen, Phuong Nguyen-Tri, DFT prediction of factors affecting the structural characteristics,the transition temperature, and the electronic density of some new conjugated polymers, 2020, Polymers, 12(6), ID 01207 (ISI/Q1 nằm trong danh mục ISI uy tín của quỹ NAFOSTED năm 2016).  2. Doan Thanh Tung, Le Thi Thanh Tam, Hoang Tran Dung, Ngo Thanh Dung, Phan Ngoc Hong, Ha Minh Nguyet, Nguyen Van-Quynh, Nguyen Van Chuc, Vu Quoc Trung, Le Trong Lu, Phan Ngoc Minh, Freeze gelation 3D printing of rGO-CuCo2S4 nanocomposite for high-performance supercapacitor electrodes, Electrochimica Acta, 392, 138992 01207 (ISI/Q1 nằm trong danh mục ISI uy tín của quỹ NAFOSTED năm 2016).  3. Trung Vu Quoc, La Trieu Duong, Van Duong Quoc, Tuan Tran Quoc, Dung Nguyen Trong, and Stefan Talu, Effect of doping H, Br, Cu, Kr, Ge, As and Fe on structural features and bandgap of polyC13H8OS-X: a DFT calculation, Designed Monomers and Polymers, 2021, 24(1), 53-62 (ISI/Q2 nằm trong danh mục ISI uy tín của quỹ NAFOSTED năm 2016).  Bài báo Scopus: 4. Trung Vu Quoc, Duong Tran Thi Thuy, Thanh Phung Ngoc, Manh Vu Quoc, Hien Nguyen, Linh Duong Khanh, Anh Tu Quang, and Luc Van Meervelt, Synthesis, crystal structure and Hirschfeld of diethyl 2,6-dimethyl-4-(thiophen-3-yl)-1,4-dihydropyridine-3,5-dicarboxylate, Acta Crystallographica Section E, 2019, E75(12), 1861-1865 (Scopus, Q3) 5. Trung Vu Quoc, Duong Tran Thi Thuy, Thuan Dang Thanh, Thanh Phung Ngoc, Vuong Nguyen Thien, Chinh Nguyen Thuy, and Luc Van Meervelt, Some chalcones derived from thiophene-3-carbaldehyde: synthesis and crystal structures, Acta Crystallographica Section E, 2019, E75(7), 957–963. (Scopus, Q3). 6. Trung Vu Quoc, Linh Phan Thuy, Dai Do Ba, Duong Tran Thi Thuy, Linh Nguyen Ngoc, Chinh Nguyen Thuy, Linh Duong Khanh, Hung Ha Manh, Hoang Thai, Khoe Le Van, and Luc Van Meervelt, Crystal structure of potassium hydrogen bis[(E)-2-(4-(3-(thiophen-3-yl)acryloyl)phenoxy)acetate], Acta Crystallographica Section E, 2021, E77(6), 609-614. Bài báo trong nước: 7. Vu Quoc Trung, Nguyen Ngoc Linh, Tran Thi Thuy Duong, Nguyen Thuy Chinh, Duong Khanh Linh, Ha Manh Hung, Doan Thi Yen Oanh, Synthesis and characterization of novel poly[4-phenyl-3-(thiophen-3-ylmethyl)-1H-1,2,4-triazole-5(4H)-thione], Vietnam Journal of Chemistry, 2019, 57(6), 770-776. 8. Nguyen Ngoc Linh, Tran Thi Thuy Duong, Nguyen Hien, Vu Quoc Trung, Synthesis of polythiophene containing heterocycle on the side chain: A review, Vietnam Journal of Chemistry, 2020, 58(1), 1-9. |  | 1 NCS (Trần Thùy Dương)  2 ThS:  +Nguyễn Đình Liên, Tổng hợp và nghiên cứu các hợp chất polythiophene chứa vòng pyrazoline, 2019, HD: PGS.TS Vũ Quốc Trung  + Đặng Thanh Thuận, Tổng hợp một số polythiophene từ dẫn xuất của 3-(3-phenylprop-1-ene-3-one-1-yl)thiophene và ứng dụng chế tạo nanocomposite graphene/ polythiophene, 2019, HD: PGS.TS Vũ Quốc Trung | 1 sáng chế (đã có quyết định chấp nhận đơn hợp lệ) |
|  | Nghiên cứu vai trò của hai họ gen myosin I và II đối với khả năng gây bệnh của nấm Mucor circinelloides. B2019 - SPH - 562 - 12 | CNĐT: TS. Triệu Anh Trung - 1983 Thành viên: 1. Lê Thị Tươi  2. Vũ Thị Bích Huyền  3. Dương Minh Lam  4. Đoàn Văn Thược 5. Nguyễn Phúc Hưng  6. Trần Văn Tuấn 7. Nguyễn Thị Lan Hương 8. Lê Thị Tuyết Mai 9. Lê Ngọc Mai |  | 2019-2021 ra hạn 6/2022 | NT cơ sở | 800 | **Bài báo ISI**  Trung Anh Trieu, Mai Ngoc Le, Ha Thu Nguyen (2020). Myosin class V proteins involved in morphology and pathogenesis of Mucor circinelloides. Frontiers in Cellular and Infection Microbiology (chấp nhận đăng).  **Bài báo trong nước**  1. Le Ngoc Mai, Le Phuong Thao, Pham Thi Thu Trang, Trieu Anh Trung (2020). Generation of RNAi plasmid corresponding to the m1l1 gene (ID 140500) belonging to myosin class I in the fungus Mucor circinelloides. HNUE Journal of science 65(4A): 27-32  2. Nguyen Anh Phuong, Le Thi Tuyet Mai, Trieu Anh Trung (2020). Growth inhibitory activities of the rhizome crude extract of Curcuma longa on the human pathogenic fungus Mucor circinelloides. HNUE Journal of science (under review).  **Hội thảo toàn quốc**  3. Lê Ngọc Mai, Nguyễn Thu Hà, Nguyễn Văn Hân, Triệu Anh Trung (2020). Tạo plasmid RNAi tương ứng với gen m2l1 (ID 149958) thuộc họ gen myosin II ở nấm Mucor circinelloides. Hội nghị khoa học Quốc gia về Nghiên cứu và giảng dạy Sinh học ở Việt Nam lần thứ IV: 895-902.  4.  **Hội thảo quốc tế**  5. Trieu Anh Trung, Ha Thu Nguyen, Le Ngoc Mai, Le Phuong Thao (2020). Myosin class I proteins control dimorphism in the pathogenic fungus Mucor circinelloides. RNA 2020 proceeding, Poster Session 4: Disease & Therapeutics, 27th May 2020. |  | Thạc sĩ:  - Lê Ngọc Mai (K28): đã bảo vệ thành công (GVHD: Triệu Anh Trung)  - Nguyễn Thu Hà (K29): sẽ bảo vệ tháng 6/2021  (GVHD: Triệu Anh Trung, Lê Thị Phương Hoa) |  |
|  | Toán tử Monge-Ampere phức và một số ứng dụng. B2019 - SPH - 01 | CNĐT: GS.TSKH.Lê Mậu Hải  Thành viên:  Phùng Văn Mạnh-1982  Nguyễn Xuân Hồng-1983 |  | 2019-2020 | QĐ: 2036 /QĐ – BGDĐT ngày 21/ 6 /2021  14/7/2021  Xuất sắc | 350 | 1. Hai, Le Mau; Van Quan, Vu, Weak Solutions to the Complex m-Hessian Equation on open Subsets of Cn, Complex Anal. Oper. Theory, 13(2019), no.8, 4007-4025(SCIE)  2. Hai, Le Mau; Van Quan, Vu, Weighted energy classes of plurifinely plurisubharmonic functions. Results Math. 74, no.4, 171 (2019), 13pp.(SCIE)  3. Nguyen Xuan Hong, On the weighted log canonical thresholds of plurisubharmonic functions, Proc. Amer. Math. Soc., 147 (2019), no 12, 5063-5070. (SCI)  4. P. V. Manh, P. T. Tung and M. H. An, On generalized least square approximation, Dolomites Res. Notes Approx., 12 (2019),101-110. (Scopus) |  | 03 Thạc sỹ đã bảo vệ thành công luận văn:  Mai Thị Hằng, Xấp xỉ có trọng của hàm chỉnh hình trong Cn., Cao học K27, bảo vệ tháng 10/2019.  Lê Thị Huệ. Tính liên tục Holder của nghiệm phương trình Monge-Ampere trên đa tạp Kahler compact. Cao học K27. Bảo vệ tháng 6/2019.  Hà Thị Thu Hoài, Nội suy bởi đa thức chẵn và đa thức lẻ trong Rn, Cao học K27, bảo vệ tháng 10/2019.  Hỗ trợ đào tạo NCS. Đã thông qua tên đề tài luận án Tiến sỹ cho NCS Hoàng Văn Cần.  1. Mai Thị Hằng, Xấp xỉ có trọng của hàm chỉnh hình trong Cn., Cao học K27, bảo vệ tháng 10/2019 |  |
|  | Định lí kiểu Liouville và một số tính chất định tính cho nghiệm của phương trình elliptic và parabolic phi tuyến. B2019 - SPH - 02 | CNĐT: TS. Dương Anh Tuấn  Thành viên: Cung Thế Anh  Trần Đình Kế  Trần Thị Loan  Nguyễn Như Thắng  Vũ Thị Hiền Anh |  | 2019-2020  ra hạn 6/2022 | QĐ: 950 /QĐ – BGDĐT ngày 6/4/2022  29/4/2022  Xuất sắc | 350 | 1. CT Anh, J Lee, BK My, On a class of Hamiltonian strongly degenerate elliptic systems with concave and convex nonlinearities, Complex Variables and Elliptic Equations, 1-24, 2019. <https://doi.org/10.1080/17476933.2019.1608971>. (SCIE) 2. Ke, Tran Dinh; Thang, Nguyen Nhu; Thuy, Lam Tran Phuong Regularity and stability analysis for a class of semilinear nonlocal differential equations in Hilbert spaces. J. Math. Anal. Appl. 483 (2020), no. 2, 123655, 23 pp. (SCIE) 3. Phuong Le, Anh Tuan Duong, Nhu Thang Nguyen, Liouville type theorems for elliptic systems involving Laplacian,Complex Variables and Elliptic Equations (2020), DOI:10.1080/17476933.2020.1816981 (SCIE) 4. Anh Tuan Duong, Thi Quynh Nguyen, Thi Hien Anh Vu, A note on positive supersolutions of the fractional Lane–Emden system, Journal of Pseudo-Differential Operators and Applications (2020), DOI: 10.1007/s11868-020-00365-9 (SCIE) 5. Anh Tuan Duong, Duc Hiep Pham, Liouville-type Theorem for Fractional Kirchhoff Equations with Weights, Bulletin of the Iranian Mathematical Society (2020), DOI: 10.1007/s41980-020-00460-z (SCIE) 6. Vu Trong Luong, Pham Duc Hiep, Vu Thi Hien Anh, Liouville type theorems for degenerate parabolic systems with advection terms, Journal of Elliptic and Parabolic Equations (2020), DOI: 10.1007/s41808-020-00086-6. (Scopus) 7. Anh Tuan Duong, Trung Hieu Giang, Phuong Le, Thi Hien Anh Nguyen, Classification results for a sub-elliptic system involving the -Laplacian. Mathematical Methods in the Applied Sciences, 2020, 1-16. DOI:10.1002/mma.6968. (SCIE) |  | 04 thạc sĩ đã bảo vệ thành công luận văn   1. Vũ Thị Hiền Anh, Sự không tồn tại nghiệm của hệ phương trình elliptic chứa toán tử \Delta\_\lambda, Cao học K27, bảo vệ tháng 6/2019. 2. Hoàng Thị Uyên, Định lí kiểu Liouville cho nghiệm ổn định của hệ phương trình Lane-Emden và phương trình song điều hoà, Cao học K27, bảo vệ tháng 10/2019. 3. Phạm Ngọc Hà, Về nghiệm ổn định của bài toán song điều hoà với hàm phi tuyến dạng đa thức, Cao học K28, bảo vệ tháng 6/2020. 4. Lê Thị Lan Phương, Định lí Liouville cho nghiệm ổn định của bài toán song điều hoà, Cao học K28, bảo vệ tháng 6/2020. |  |
|  | Xây dựng kịch bản hạn khí tượng phục vụ phát triển kinh tế xã hội bền vững cho khu vực cửa sông Tiền (Đồng bằng sông Cửu Long) trong bối cảnh biến đổi khí hậu. B2019 - SPH - 03 | CNĐT: Đào Ngọc Hùng - 1969  Thành viên:  1. Vũ Thị Hằng - 1976  2. Trần Văn Thương - 1992  3. Cù Thị Phương- 1973  4. Đặng Vũ Khắc- 1970  5. Hoàng Lưu Thu Thủy- 1970  6. Bùi Thanh Dung - 1983 | Viện Địa lý - Viện Hàn lâm khoa học & Công nghệ Việt Nam | 2019-2020 | 2041 /QĐ – BGDĐT ngày 21/6/2021  2/7/2021  Xuất sắc | 650 | Bài Báo ISI  1. Tran, T.V.; Tran, D.X.; Myint, S.W.; Latorre-Carmona, P.; Ho, D.D.; Tran, P.H.; Dao, H.N. Assessing Spatiotemporal Drought Dynamics and Its Related Environmental Issues in the Mekong River Delta. Remote Sens. 2019, 11, 2742. doi:10.3390/rs11232742    Bài báo Scopus  2. Tran, Thuong & Tran, & Phat, Huynh & Dao, H & Tran, Duy & Hoanh, Trinh. (2020). Analysing Drought Intensity in the Mekong River Delta using Time Series Analysis and Google Earth Engine. International Journal of Geoinformatics. 16. 1-7.    Bài báo trong nước:  3. Hung N. Dao, Luan T. Nguyen, Hang T. Vu, Thuong V. Tran, Phuong C. Thi, Dung T.T. Bui, Khac D. Vu (2019), Scenariors of Meteorological Drought in Tien River Estuary under the Climate Change Context using the Ped Index. Journal of Science, HNUE, ISSN 0868-3719. DOI: 10.18173/2354-1059.2019-0084  4. Đào Ngọc Hùng, Cù Thị Phương, Bùi Thị Thanh Dung, Vũ Thị Hạnh, Nguyễn Thị Diệu Anh, Trần Văn Thương, Đặng Vũ Khắc và Vũ Thị Hằng (2020). Đánh giá biến động hạn khí tượng mùa khô bằng chỉ số hạn RDIst cho vùng cửa sông Tiền trong bối cảnh biến đổi khí hậu. Tạp chí Khoa học trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2020, Volume 65, Issue 3, pp. 3-9. DOI: 10.18173/2354-1059.2020-0017.  5. Nguyen Thanh Luan and Dao Ngoc Hung (2020). Drought risk assessment in Tien river estuary. Journal of Science, HNUE, ISSN 0868-3719. DOI: 10.18173/2354-1059.2019-0084 |  | 1. Võ Thị Bé tâm. Giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Trà Vinh. 2018-2019  2. Lý Kim Hùng Đánh giá tác động của xâm nhâp mặn đến sản xuất lúa ở tỉnh Sóc Trăng phục vụ giảng dạy Địa  lý địa phương. 2018-2019  3. Võ Duy Linh Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến sản xuất lương thực tỉnh Trà Vinh phục vụ giảng  dạy Địa lý địa phương. 2018-2019  4. Phan Hữu Phúc. Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến sản xuất nông nghiệp tỉnh Trà Vinh phục vụ giảng  dạy Địa lý địa phương 2018-2019  5. Nguyễn Diệu Anh. Xây dựng kịch bản hạn cho Nghệ An trong thời kì tương lai (2018-2035) và đề xuất những giải pháp ứng phó với hạn phù hợp với điều kiện của tỉnh. 2019-2020.  6. Nguyễn Thành Luân. Đánh giá nguy cơ hạn hán khu vực cửa sông Tiền. 2019-2020. |  |
|  | Lí thuyết văn học hiện đại trên thế giới và đổi mới giáo trình lí luận văn học ở Việt Nam hiện nay. B2019 - SPH - 04 | CNĐT: Đỗ Văn Hiểu - 1979 Thành viên: 1. Nguyễn Thị Hải Phương - 1979 2. Trần Mạnh Tiến - 1957 3. Lê Trà My - 1969 4. Trần Ngọc Hiếu - 1979 5. Nguyễn Thị Ngọc Minh - 1981 6. Nguyễn Thủy Nguyên - 1980 |  | 2019-2020  ra hạn 6/2022 | 1527/QĐ – BGDĐT 10/06/2022  20/7/2022  Đạt | 300 | Bài báo nước ngoài:  1. 杜文晓: 《选择与注释：阎连科小说在越南的接受追踪》, 《**作家》杂志,ISSN： 1006-4044， 2020年，第11期**    Bài báo trong nước:  2. Nguyễn Thị Nhung, Đỗ Văn Hiểu: Thế giới nội tâm nhân vật phụ nữ trong tiểu thuyết của Thiết Ngưng, Tạp chí Khoa học, trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 2 năm 2020, tr 51-57 |  | 02 thạc sĩ đã bảo vệ thành công luận văn:  (1) **Tống Thị Quý**: “Đặc điểm của Sình ca Cao Lan ở địa phận Bắc Giang (Khảo sát từ góc nhìn văn hóa”, ĐHSPHN, khóa 28, bảo vệ ngày 10-7-2020.  (2): **Trần Thị Phương**: “Hình tượng tác giả trong tản văn Đỗ Bích Thúy”, ĐHSPHN khóa 27, bảo vệ ngày 10-7-2020)  Hỗ trợ đào tạo 01 NCS:  (1) **Đỗ Thị Nhàn**: “Tiểu thuyết lịch sử của Lan Kha”i, ĐHSPHN khóa 34, Bảo vệ cấp trường ngày 28-10-2020) |  |
|  | Xây dựng được bộ chỉ số sinh học phục vụ công tác bảo tồn đa dạng sinh học ở các hệ sinh thái đất ngập nước tiêu biểu Bắc Việt Nam . B2019 - SPH - 05 | CNĐT: Trần Đức Hậu - 1980  Thành viên:  1. Đỗ Văn Nhượng - 1950  2. Trần Thị Thanh Bình - 1969  3. Bùi Minh Hồng - 1969  4. Nguyễn Lân Hùng Sơn -1976  5. Lê Trung Dũng - 1983  6. Nguyễn Thanh Vân -1984  7. Trần Nam Hải - 1987  8. Nguyễn Đức Hùng - 1976 | Khu Bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tiền Hải và Khu bảo tồn đất ngập nước Vân Long | 2019-2020  ra hạn 6/2022 | 2041 /QĐ – BGDĐT ngày 21/6/2021  2/7/2021  Xuất sắc | 600 | Bài báo quốc tế  1. Dzung Trung Le\*, Ngam Thi Lo, Hai Nam Tran, Yen Thi D (2020). Biodiversity and composition of the herpetofauna from the Tien Hai  Wetland Nature Reserve, North Vietnam. J Adv Biotechnol Exp Ther. 2020; 3(2): 116-121  Bài báo trong nước:  1. Nguyễn Lân Hùng Sơn, Lê Thị Lan Anh, Trần Nam Hải, Trần Đức Hậu (2020). Đa dạng thành phần loài chim ở Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Kỳ I, tháng 5/2020: 69-79  2. Bùi Minh Hồng, Ngô Thị Huyền (2020). Đa dạng thành phần loài côn trùng ở Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên, 225(08): 17-23.  Kỷ yếu Hội thảo  1. Tạ Thị Thủy, Chu Hoàng Nam, Nguyễn Lê Hoài Thương,  Nguyễn Thị Huyền Trang, Phạm Thị Thảo, Trần Đức Hậu (2020). Đặc điểm hình thái và phân bố các giống cá Butis Bleeker, 1856 và Glossogobius Gill, 1859 ở hệ sinh thái rừng ngập mặn vùng cửa Ba Lạt, sông Hồng. Kỷ yếu Hội nghị khoa học quốc gia lần thứ tư về Nghiên cứu và giảng dạy sinh học ở Việt Nam. Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ: 194-203.  2. Trần Thị Thanh Bình, Cao Thị Phương,  Nguyễn Thị Thanh Huyền, Nguyễn Đức Hùng (2020). Nghiên cứu bước đầu về thành phần loài rết Centipipes (Chilopoda) ở Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tiền Hải, Thái Bình. Kỷ yếu Hội nghị khoa học quốc gia lần thứ tư về Nghiên cứu và giảng dạy sinh học ở Việt Nam. Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ: 318-325.  3. Nguyễn Lân Hùng Sơn, Nguyễn Thị Thùy Dung, Nguyễn Thanh Vân, Trần Đức Hậu (2020). Một số ghi nhận mới cập nhật danh lục chim ở Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long, tỉnh Ninh Bình. Hội nghị khoa học quốc gia lần thứ tư về Nghiên cứu và giảng dạy sinh học ở Việt Nam. Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ: 295-305 |  | 1. Học viên: Phạm Thị Thảo, K28:  Đánh giá chất lượng môi trường nước dựa trên chỉ số tổ hợp sinh học cá ở khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.  Đã bảo vệ vào đầu tháng 7/2020.  2. Học viên: Lê Thị Lan Anh, K28: Nghiên cứu sự phân bố và biến động thành phần loài chim ở Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.  Đã bảo vệ vào đầu tháng 7/2020.  3. 5 cử nhân K66 đã bảo vệ Khóa luận tốt nghiệp  4. Hai cử nhân K67 đang thực hiện đề tài Khóa luận |  |
|  | Các yếu tố tâm lí xã hội của mối quan hệ của học sinh và giáo viên THCS hiện nay (Nghiên cứu trưởng hợp bậc học THCS). B2019 - SPH - 06 | CNĐT: Giáp Bình Nga - 1970  Thành viên:  1. Lê Minh Nguyệt - 1975  2. Khúc Năng Toàn - 1973  3. Vũ Thị Khánh Linh -1981  4. Trần Thị Mỵ Lương -1979  5. Ngô Việt Hoàn |  | 2019-2020 | 2040 /QĐ – BGDĐT ngày 21/6/2021  9/7/2021  Đạt | 250 | \* 01 Bài báo quốc tế: Giap Binh Nga, Le Minh Nguyet, Phan Trong Ngo (2020). *Student-Teacher Relationship in the Secondary Schools: A Factorial Study.* Psychology Research. Vol.10, No.8, August 2020, pp.300- 307.  \* 02 Bài báo trong nước:  - Giáp Bình Nga, Lê Minh Nguyệt (2020). *Thích ứng thang đo mối quan hệ của học sinh và giáo viên Trung học Cơ sở.* Trang 28-34 tạp chí Tâm lý học xã hội số 3 năm 2020. ISSN: 0866-8019. Hội tâm lý học Việt Nam.  - Lê Minh Nguyệt, Phạm Thị Thỏa, Nguyễn Thị Phương, Ngô Thị Hạnh (2020). *Lo âu trong học tập của học sinh Trung học Cơ sở thành phố Hà Nội.* Trang 16-27, tạp chí Tâm lý học Việt Nam số 4 năm 2020. ISSN: 0866-8019. Hội tâm lý học Việt Nam.  \* 02 Hội thảo quốc tế:  - Giáp Bình Nga, Ngô Việt Hoàn (2020). *Phát triển mô hình phép đo hành vi giao tiếp có văn hóa cho học sinh Trung học Cơ sở.* Trang 280-285, ISBN 978–604–54–7128–9. Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Hà Nội.  - Giap Binh Nga (2020).*Interpersonal relationships between secondary teacher and school student in Hanoi. (Code number: B2019 - SPH - 06).* World Conference on Personality, Hanoi Vietnam | Sách chuyên khảo: Giap Binh Nga (2020). *The Relationship between Secondary School Student and Teacher in the Vietnamese Educational Setting*: A quantative Analysis, Grin Verlag, Germany. <https://www.grin.com/document/937279> | Đào tạo: 01 thạc sĩ  Đỗ Thị Hoa (học viên cao học). *Tương tác với học sinh và sức khỏe cảm xúc của giáo viên Trung học Cơ sở trên địa bàn Hà Nội*. Đề tài luận văn thạc sĩ bảo vệ thành công năm 2020 theo quyết định số 4035/QĐ-ĐHSPHN Khúc Năng Toàn (giảng viên hướng dẫn), | Biện pháp tâm lí giáo dục nhằm tăng cường mối quan hệ tích cực giữa học sinh và giáo viên bậc Trung học Cơ sở |
|  | Nghiên cứu trí tuệ xã hội của học sinh THCS đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới. B2019 - SPH - 07 | CNĐT: PGS.TS.Phan Trọng Ngọ  Thành viên: |  | 2019-2020 | 2039 /QĐ – BGDĐT ngày 21/6/2021  22/7/2021  Đạt | 250 | 5 bài báo khoa học: 02 bài đăng tạp chí nước ngoài và 03 bài đăng các tạp chí khoa học trong nước  1. Phan Trọng Ngọ (2020). Thái độ xã hội trong giao tiếp của học sinh Trung hoc cơ sở Việt Nam. Tạp chí Tâm lý học. Số 7, 7- 2020. Trang 3-17.  2. Phan Trọng Ngọ (2020). Hành động xã hội trong giao tiếp của học sinh Trung học cơ sở ở Việt Nam. Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, số 31, 7/2020. Tr 29-35  3. Phan Trọng Ngọ- Lê Minh Nguyệt (2020). Trí tuệ xã hội- cách tiếp cận, khái niệm và cấu trúc. Tạp chí Tâm lí học. Số 5, 5-2020. Tr 3- 14  4. Phan Trong Ngo, Le Minh Nguyet (2020). Social Awareness in Communication of Secondary School Students in Vietnam. International Journal of Advanced Research (IJAR). Issn 2320-5407, Volume:-08, Issue:-05. Doi: 10.21474/IJAR01/11015, pp.1026-1033.  5. Phan Trong Ngo, Le Minh Nguyet, Giap Binh Nga, Tran Thi Ha (2020). Social Intelligence in Education: A Mediator Analysis of Attiude. Psychology Research. Volume 10, Number 8, August 2020, pp.308- 318. | 01 sách chuyên khảo: *Trí tuệ xã hội của học sinh* | Đào tạo: 01 luận văn Thạc sỹ Tâm lí học |  |
|  | Nghiên cứu xây dựng quy trình xử lí nước thải chứa chất hữu cơ độc hại trên cơ sở tác nhân oxi hóa tiên tiến .CO3-. B2019 - SPH - 08 | CNĐT: TS.Nguyễn Thị Bích Việt  Thành viên:   1. Nguyễn Bích Ngân 2. Vũ Ngọc Duy 3. Hồ Phương Hiền 4. Nguyễn Hiển 5. Nguyễn Thị Hạnh - NCS |  | 2019-2020  ra hạn 6/2022 | 1526/QĐ – BGDĐT 10/06/2022  14/7/2022  Đạt | 500 | Degradation of Reactive Blue 19 by Peroxymonocarbonate-Based Oxidation System: A Green Activated Process, Journal of Analytical Methods in Chemistry, submitted.  1. Nghiên cứu sự hình thành và phân hủy của tác nhân oxi hóa peroxymonocarbonate HCO4-, **Tạp chí Phân tích Lý Hóa Sinh**, gửi đăng. 2. Nghiên cứu khả năng phân hủy thuốc nhuộm Reactive Blue 21 bởi hệ oxi hóa pecacbonic, **Tạp chí Phân tích Lý Hóa Sinh**, gửi đăng. |  | * 01 Thạc sĩ K27 đã bảo vệ thành công 2019   Nguyễn Thu Hà, Nghiên cứu khả năng phân hủy Reactive Blue 21 của hệ pecacbonic bằng phương pháp phổ hấp thụ UV-Vis.   * 03 Cao học K28 sẽ bảo vệ vào tháng 11/2020   Nguyễn Thị Minh Hằng, Nghiên cứu khả năng xử lí thuốc nhuộm RY145 bằng hệ axit pecacbonic.  Bùi Văn Khởi, Đánh giá hiệu quả phân hủy nước thải dệt nhuộm làng nghề Vạn Phúc sử dụng tác nhân oxi hóa axit pecacbonic trên quy mô pilot.  Trần Thị Thêu, Nghiên cứu xác định chỉ số COD, TOC theo phương pháp đo quang vùng UV gần và ứng dụng theo dõi quá trình phân hủy kali hydrophtalat bằng hệ axit pecacbonic.   * Hỗ trợ đào tạo 01 NCS (có tên trong bài báo) | * 01 Thiết bị pilot xử lí nước thải dệt nhuộm công suất 100 lít/ngày đêm * Quy trình công nghệ xử lý chất màu trong nước thải dệt nhuộm bằng axit pecacbonic * Quy trình công nghệ xử lý chất hữu cơ trong nước thải của phòng thí nghiệm bằng axit pecacbonic |
|  | Tổng hợp, khảo sát hoạt tính sinh học một số dẫn xuất của benzo[d]thiazole và chế tạo chế phẩm kích thích sinh trưởng thực vật . B2019 - SPH - 09 | CNĐT: TS.Dương Quốc Hoàn  Thành viên:  1. Nguyễn Thị Thu Hiền - 1978  2. Đường Khánh Linh - 1979  3. Trần Thị Thu Trang -1986  4. Trần Khánh Vân -1981  5. Nguyễn Thị Hồng Vân -1977  6. Nguyễn Phương Thảo -1980  7. Nguyễn Thị Ngọc Mai -1986  8. Vũ Thị Ánh Tuyết -1986 |  | 2019-2020 | 2021/QĐ-BGDĐT ngày 18/6/2021  26/6/2021  Đạt | 550 | ISI  **1.** 2020, Nguyen Thi Ngoc Mai, Duong Quoc Hoan\*, Vu Thi Anh Tuyet, Tran Thi Thu Trang , Duong Khanh Linh and Trinh Thi Huan, An Effective Assembling of Novel Derivatives Containing both Benzo[d]thiazole and Benzo[d]oxazole Rings, Letters in Organic Chemistry, 17 (11), DOI: 10.2174/1570178617666200207104912, 815 – 822. (IF: 0.779, 2020, Q4)  **Trong nước**  2. Nguyen Thi Ngoc Mai, Tran Thi Phuong Anh, Pham Thi Thu May, Pham Phuong Thao, Nguyen Van Trang, Duong Quoc Hoan, 2019. “Preparation Of Some Benzo[d]Thiazole-Containing Acetohydrazide Derivatives”, HNUE, Vol 64, Iss. 6, 121-129.  3. **Nguyen Thi Ngoc Mai(1), Nguyen Thi Hong Van(2), Nguyen Thi Thu Hien(3), Duong Quoc Hoan,** Study on NMR spectra of derivatives containing benzo[d]thiazole and benzo[d]oxazole: effect of dimethyl sulfoxide and chloroform solvent on chemical shift variation, Tạp chí phân tích Hóa, Lý và Sinh, nhận đăng. |  | 02. Ths:  1. **Trần Phương Anh**,Tổng hợp một số dẫn xuất chứa dị vòng hai dị tử N và S, K27.  2. Phạm Thị Thu May. *Tổng hợp một số dẫn xuất chứa dị vòng benzo[d]thiazole và khảo sát khả năng điều hòa sinh trưởng thực vật,* K28  Hỗ trợ ĐT NCS:  01 NCS Nguyễn Thị Ngọc Mai, K38 “Nghiên cứu tổng hợp, cấu trúc và khảo sát hoạt tính sinh học của một số hợp chất chứa dị vòng benzothiazole và benzoxazole” | Bộ dữ liệu phổ dùng cho đào tạo  đại học và sau đại học  Quy trình tổng hợp dị vòng benzothiazole |
| 1. 1 | Phòng ngừa bạo lực học đường cho học sinh trung học cơ sở thông qua công tác xã hội học đường; Mã số: B2019 - SPH - 10 | CNĐT: ThS. Nguyễn Thị Mai Hương  Thành viên:  1. TS. Phạm Văn Tư  2. TS. Nguyễn Hiệp Thương 3. TS. Nguyễn Thu Hà  4. TS. Nguyễn Thị Ánh Nguyệt  5. ThS. Nguyễn Thu Trang  6. ThS. Ngô Thị Thanh Mai  7. ThS. Nguyễn Lê Hoài Anh  8. TS. Nguyễn Duy Nhiên |  | 2019 – 2020  ra hạn 6/2021 | 2037 /QĐ – BGDĐT ngày 21/6/2021  15/7/2021  Đạt | 350 | **Tạp chí quốc tế:**  **Tạp chí trong nước:**  **1/ Nguyễn Thị Mai Hương, “**Một số biểu hiện ứng phó tiêu cực của học sinh bị bạo lực học đường”. Tạp chí Giáo dục, Năm 2020. ISSN: 2354 - 0753.  **Hội thảo quốc tế:**  1/ Nguyen Thi Mai Huong, "The teacher perceptions and responses on school violence and bullying: A case study of secondary schools in Vietnam". Kỉ yếu Hội thảo Khoa học quốc tế "khoa học quốc tế "Đổi mới sáng tạo trong dạy học và đào tạo giáo viên lần thứ nhất" (the 1st International Conference: Innovation in Learning Instruction and Teacher Education - ILITE), Trường ĐHSP Hà Nội, 2019. |  | - 01 thạc sĩ CTXH - Lâm Thị Phương “Hoạt động CTXH trường học trong việc hỗ trợ đối tượng học sinh có hành vi bạo lực học đường tại trường THCS GLobal, Cầu giấy, Hà Nội”, 2019.  - 01 NCS - Nguyễn Thị Mai Hương “CTXH đối với học sinh bị bạo lực học đường” | - Sách tham khảo: Lương Quang Hưng,  Ngô Thị Thanh Mai, Nguyễn Thu Trang, Phạm Văn Tư, Nguyễn Thị Mai Hương,  Công tác xã hội  với vấn đề bạo lực học đường.  NXB Giáo dục.  Mã ISBN: 978-604-0-21661-8. |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ** | **Người chủ trì và các thành viên** | **Đối tác trong nước và quốc tế** | **Thời gian thực hiện** | **Kinh phí thực hiện** | **Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn** | | |  |
| **Bài báo ISI, Scopus, bài trong nước, bài hội thảo quốc tế, hội thảo trong nước**  [**https://doi.org**](https://doi.org)**...**  **Sắp xếp theo thứ tự:**  Bài báo quốc tế:  ISI:  Scopus:  Bài báo trong nước:  Bài báo hội thảo quốc tế:  Bài báo hội thảo trong nước: | **Sách chuyên khảo, Giáo trình, sách tham khảo, tài liệu tham khảo** | **Đào tạo thạc sĩ, hỗ trợ đào tạo NCS** | **Sản phẩm khác, sản phẩm ứng dụng thực tiễn** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |